

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mã số đăng ký doanh nghiệp: 4700149595

Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2025

Thành phố Bắc Kạn, tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mã số đăng ký doanh nghiệp: 4700149595

Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2025

Thành phố Bắc Kạn, tháng 5 năm 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mã số đăng ký doanh nghiệp: 4700149595

Nghĩ mới - Làm mới

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 02093 812 399 - Website: www.backanco.com

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

--

1. Chương trình Đại hội;
2. Quy chế Đại hội;
3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, phương hướng năm 2025;
4. Báo cáo kết quả SXKD 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025;
5. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025;
6. Tờ trình thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2024;
7. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
8. Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn chung năm 2025;
9. Tờ trình về miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026;
10. Thông báo về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026;
11. Quy chế về Ứng cử, đề cử ứng viên để ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026
12. Tờ trình về thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký năm 2025;
13. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025;
14. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
15. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Sửa đổi, bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 18/6/2025)

Thời gian: Khai mạc lúc 08h00 ngày 18 tháng 6 năm 2025

Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

(Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	- Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu;	BTC
02	08h00-08h30	- Ổn định và chào cờ;	BTC
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;	BTC
		- Thông qua quy chế Đại hội	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội.	Chủ tọa Đại hội
		- Giới thiệu và Biểu quyết Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội	
- Thông qua chương trình nghị sự Đại hội.			
03	08h30-10h00	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI	
		1. Trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tọa Đại hội
		2. Trình bày Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Thảo luận và biểu quyết	Tổng Giám đốc
		3. Trình bày Báo cáo đánh giá hoạt động của BKS năm 2024. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		4. Trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		5. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ	Chủ tọa Đại hội

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
		sở hữu. Thảo luận và biểu quyết.	
		6. Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn chung năm 2025	Kế toán trưởng
		7. Tờ trình về miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	Chủ tọa Đại hội
		8. Thông báo về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026;	Chủ tọa Đại hội
04	10h00- 10h40	9. Quy chế về Ứng cử, đề cử ứng viên để ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026	Chủ tọa Đại hội
		10. Thông qua danh sách ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	Chủ tọa Đại hội Ban Tổ chức
		11. Thực hiện Bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	Chủ tọa Đại hội Ban kiểm phiếu
05	10h40-10h55	Nghỉ giải lao 15 phút	
		13. Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	Ban kiểm phiếu
		14. Trình bày Tờ trình về việc Thông qua thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2025. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		15. Trình bày Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2025. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng ban kiểm soát
		16. Tờ trình về việc bổ sung Điều lệ Công ty	Chủ tọa Đại hội
		17. Thông qua Chủ trương đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp Khe Lắc, xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Chủ tọa Đại hội
07	11h30-11h50	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2025. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tọa Đại hội Thư ký Đại hội
08	11h50-12h00	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

--

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng họp ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.
5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

1.1. Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt ngày 20/5/2025 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự họp ĐHĐCĐ.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- CMND/CCCD/CC hoặc Hộ chiếu (bản chính).

- Bản chính Giấy ủy quyền và bản sao CMND/CC/CCCD/Hộ chiếu/GCN ĐKDN của người ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký tên bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 (một) Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên cổ đông, mã số tham dự Đại hội (do Ban Tổ chức gán cho mỗi cổ đông) và số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông tại ngày 20/5/2025 - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

c. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa; phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ công ty.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, ứng xử văn minh, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc họp.

g. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay; sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tọa.

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại hội thông qua.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu Đại hội và trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

- Giải quyết các khiếu nại về ĐHĐCĐ (nếu có).

2.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày được mời dự họp chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự cuộc họp;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra giấy tờ, công nhận người đến dự họp hợp lệ, phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho người đến dự họp; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;

- Soạn thảo, hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

5.1. Ban Kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung.
- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu bầu.
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác kết quả biểu quyết của các Cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

III. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Nguyên tắc và cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại chương trình ĐHĐCĐ.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (*có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn*).

3. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự “*Tán thành*”, “*Không tán thành*”, “*Không có ý kiến*”) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban Tổ chức.

4. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Đối với các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi tổ chức, cơ cấu của Công ty;

tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng số tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp của ĐHĐCĐ.

2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, địa chỉ tại Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Trên đây là Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: *16* /2025/BC-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày *20* tháng 5 năm 2025

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**

--

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“Công ty”) báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT trong như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều yếu tố rủi ro và bất định. Các xung đột quân sự, đặc biệt tại Đông Âu và Trung Đông, leo thang; cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc gia tăng; chính sách bảo hộ thương mại được siết chặt tại nhiều nền kinh tế lớn; trong khi nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng. Một số nền kinh tế lớn rơi vào suy thoái cục bộ, chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục bị gián đoạn, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường hòa bình, ổn định và đà phục hồi kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ các biện pháp điều hành chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt từ các quốc gia, kinh tế thế giới đã ghi nhận xu hướng ổn định trở lại. Thương mại hàng hóa toàn cầu dần phục hồi, áp lực lạm phát suy giảm, điều kiện tín dụng được nới lỏng và thị trường lao động phục hồi tích cực.

Tại Việt Nam, năm 2024 ghi dấu sự điều hành kinh tế vĩ mô linh hoạt, quyết liệt của Chính phủ, trong đó lạm phát cơ bản được kiểm soát, tỷ giá duy trì ổn định, sản xuất – chế biến phục hồi mạnh mẽ. Thu ngân sách nhà nước vượt chỉ tiêu đề ra; môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện; vốn FDI thể hệ mới gia tăng, thể hiện niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào triển vọng kinh tế dài hạn của Việt Nam.

Tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09%, vượt kế hoạch Quốc hội giao và là một trong những mức tăng trưởng cao nhất khu vực. Đây được xem là điểm sáng trong bối cảnh nhiều nền kinh tế đang chững lại, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển 2025–2030.

*** Những điểm thuận lợi:**

- Công ty hiện tập trung chủ yếu vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là khai thác và chế biến khoáng sản, chú trọng hoạt động chế biến sâu;
- Tình hình tài chính Công ty lành mạnh, ổn định và đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhất là triển khai xây dựng Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh tại huyện Chợ Mới;

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành sản xuất của Công ty từng bước hoàn thiện và hợp lý hơn, phát huy được tiềm năng, kỹ thuật của lực lượng lao động;

*** Những khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ xung đột Nga - Ukraine, bất ổn tại Trung Đông và Biển Đỏ, khiến giá nguyên nhiên liệu tăng cao, nguồn cung vật tư đứt gãy.

- Cơ chế, chính sách Nhà nước còn nhiều bất cập; thủ tục hành chính phức tạp, chồng chéo; biến động tổ chức bộ máy hành chính và việc sáp nhập đơn vị hành chính địa phương làm chậm tiến độ các dự án trọng điểm (hồ chứa thải mới, tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên, hạ tầng Cụm công nghiệp Thanh Thịnh).

- Công ty chưa khai thác được mỏ mới; các mỏ hiện hữu suy giảm về sản lượng, hàm lượng, dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; nguồn nguyên liệu thay thế chưa ổn định.

- Lực lượng lao động tay nghề cao ngày càng khan hiếm do dịch chuyển lao động, thay đổi xu hướng lựa chọn việc làm; công tác đào tạo tại chỗ gặp nhiều khó khăn; tình trạng thiếu hụt lao động phổ thông và lao động kỹ thuật cao tiếp tục diễn biến phức tạp.

- Ý thức chấp hành quy định, pháp luật của một bộ phận người lao động còn hạn chế; thu nhập thực tế chưa theo kịp tốc độ gia tăng chi phí sinh hoạt.

2. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 bầu gồm 05 Thành viên.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch HĐQT	26/4/2021	-
02	Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên HĐQT	26/4/2021	-
03	Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên HĐQT	26/4/2021	-
04	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên HĐQT	26/4/2021	-
05	Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	26/4/2021	-

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Các hoạt động chung

Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty, trong năm 2024 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp và xin ý kiến bằng văn bản để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Công ty.

HĐQT đã ban hành 09 (chín) Nghị quyết, Quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, nhu cầu vốn và kế hoạch phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền. HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường để có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; ban hành Nghị quyết số:01/2024/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 13/05/2024 theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, HĐQT đã lập các báo cáo tình hình quản trị 06 tháng, 01 năm và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Các cuộc họp HĐQT năm 2024:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Ông Vũ Phi Hổ	04/04	100%
02	Ông Đinh Văn Hiến	04/04	100%
03	Ông Nguyễn Trần Nhất	04/04	100%
04	Ông Nguyễn Huy Hoàn	04/04	100%
05	Ông Mai Thanh Sơn	04/04	100%

3. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2024:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	05/2024/NQ-HĐQT	18/3/2024	Về việc lùi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ	05/05
02	06/2024/NQ-HĐQT	18/3/2024	Về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư DA CCN Thanh Thịnh thông qua phương án phân kỳ đầu tư và phân bổ nguồn vốn cho các dự án đầu tư	05/05
03	09/2024/NQ-HĐQT	16/4/2024	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ	05/05

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			đồng thường niên năm 2024	
04	10/2024/NQ-HĐQT	16/4/2024	Về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư DA CCN Thanh Thịnh thông qua phương án phân kỳ đầu tư và phân bổ nguồn vốn cho các dự án đầu tư	05/05
05	18/2024/NQ-HĐQT	26/4/2024	Về việc tham gia Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An	05/05
06	21/2024/NQ-HĐQT	13/5/2024	Về việc thông qua mức thù lao HĐQT năm 2024	05/05
07	24/2024/NQ-HĐQT	14/6/2024	Về việc mua cổ phiếu Công ty CP Bến xe Nghệ An	05/05
08	26/2024/NQ-HĐQT	19/7/2024	Về việc thông qua thang, bảng lương áp dụng từ 01/7/2024	05/05
09	29/2024/QĐ-HĐQT	23/9/2024	Về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện DA Toà nhà Văn phòng tại Thái Nguyên	05/05

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 đã thông qua.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện năm 2024 với năm 2023 (%)	So sánh thực hiện năm 2024 với kế hoạch 2024 (%)
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	26.424,37	24.500	23.710,63	89,73	96,78

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện năm 2024 với năm 2023 (%)	So sánh thực hiện năm 2024 với kế hoạch 2024 (%)
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến						
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.545,887	4.550	3.835,160	84,37	84,29
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.368,388	3.650	3.933,936	90,05	107,78
	- Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	Tấn	7.046,119	8.000	5.368,569	76,19	67,11
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	5.012,075	6.500	4.612,730	92,03	70,97
3	Khối lượng hàng hóa xuất bán						
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.505,989	0	13.060,253	372,51	
	- Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	Tấn	7.367,365	7.500	5.302,232	71,97	70,70
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	3.157,330	6.800	2.271,104	71,93	33,40
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	439,951	437,7	567,5	128,99	129,66
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	5,129	5,20	51,87	1.011,3	997,5
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	51,498	50,0	61,8	120,00	123,60
7	Nộp bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,452	Đầy đủ	5,741	105,30	100,0
8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,9	8,0	8,0	101,27	100,0
9	Vốn đầu tư thực hiện năm	Tỷ đồng	20,256	1.713,6	48,583	239,84	2,84

5. Hoạt động giám sát của HĐQT và giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật hiện hành; HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày, bao gồm:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Hội đồng quản trị thường xuyên theo sát tình hình hoạt động của Công ty và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Thông qua các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng email, HĐQT đã thảo luận và cho ý kiến về nhiều vấn đề quan trọng liên quan tới công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Đồng thời thông qua báo cáo

trực tiếp và bằng văn bản của Tổng Giám đốc, HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT.

- Tổ chức giám sát việc thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, trong đó thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện dự án đầu tư trọng điểm: Xây dựng Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh; Xây dựng hồ chứa thải mới của xưởng Tuyển và Xây dựng Tòa nhà Văn phòng tại Thành phố Thái Nguyên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024;

- Giám sát, chỉ đạo việc lập các báo cáo và thực hiện công bố thông tin đảm bảo minh bạch, kịp thời, đúng quy định.

6. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có): Hội đồng quản trị chưa thành lập tiểu ban.

7. Giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

7.1. Giao dịch giữa NNBCông ty, người có liên quan của NNB với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát: Không.

7.2. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐQT ngày 26/4/2024 về việc tham gia ĐHĐCĐ năm 2024 của Công ty CP Bến xe Nghệ An (*Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn sở hữu 378.400 cổ phần của Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An*) và Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 14/6/2024 về việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An (NSB) nâng số cổ phần sở hữu của BKC lên 1.021.680 cổ phiếu (*tương ứng với 5,41% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An*).

7.3. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không

7.4. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không.

7.5. Giao dịch của NNB và NCLQ đối với cổ phiếu của Công ty: Không.

III. THÙ LAO CỦA HĐQT NĂM 2024.

Công ty đã chi trả thù lao HĐQT theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua và Nghị quyết của Hội đồng quản trị về thù lao của HĐQT, cụ thể: Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT năm 2024 đã

được ĐHCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua tại Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 13/05/2024 là **1.080.000.000 đồng** (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Số đã chi: **1.080.000.000 đồng**.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Dự báo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2025

1.1. Tình hình kinh tế thế giới:

Năm 2025, kinh tế thế giới đối mặt với nguy cơ tăng trưởng chậm lại, chủ yếu do căng thẳng thương mại gia tăng và các biện pháp bảo hộ mậu dịch ngày càng phổ biến. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến đạt 3,1%, giảm nhẹ so với mức 3,3% của năm 2024.

Đáng chú ý, việc Mỹ thực thi chính sách thuế quan cơ bản 10% và áp mức đối ứng 11-84% với nhiều đối tác thương mại đã gây hiệu ứng lan tỏa tiêu cực đến toàn cầu, đe dọa làm gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế, đẩy lạm phát tăng cao, suy yếu hệ thống thương mại toàn cầu dựa trên luật lệ. Nguy cơ phân mảnh kinh tế thế giới gia tăng, gây khó khăn cho các quốc gia nhỏ trong quá trình hội nhập. Tuy nhiên, đây cũng mở ra cơ hội cho các quốc gia như Việt Nam, Ấn Độ và Thái Lan thu hút làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng nhờ chi phí lao động thấp và môi trường đầu tư hấp dẫn.

1.2. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2025

Mặc dù chịu tác động từ bối cảnh quốc tế bất lợi, Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định nhờ những chính sách điều hành kinh tế linh hoạt, hợp lý và sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), năm 2025: Dự báo tăng trưởng GDP thực năm 2025 đạt 6,8%, và năm 2026 đạt 6,5%. Kinh tế tư nhân tiếp tục là động lực chủ lực, đóng góp hơn 50% GDP và sử dụng khoảng 85% lực lượng lao động cả nước.

Báo cáo của Chính phủ cho biết: Tăng trưởng GDP quý I/2025 đạt 6,93%, cao hơn cùng kỳ 5 năm liên tiếp và vượt kịch bản tăng trưởng ban đầu. Để đạt mục tiêu tăng trưởng trên 8% năm 2025, Việt Nam cần đạt mức tăng trưởng trung bình 8,3% trong 9 tháng cuối năm (quý II: 8,2%, quý III: 8,3%, quý IV: 8,4%).

Tuy nhiên, một diễn biến tiêu cực đáng chú ý là: Ngày 2/4/2025, Mỹ công bố áp thuế đối ứng 46%¹ lên hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Đây được xem là "cú sốc thuế quan" lớn, dẫn tới: Nguy cơ suy giảm tăng trưởng GDP và xuất khẩu; Môi trường thương mại bất ổn, ảnh hưởng dòng vốn FDI; Tỷ giá USD/VND đã vượt 26.000 đồng/USD, tiềm ẩn áp lực lạm phát nhập khẩu. Các ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp gồm: Thép, nhôm, ô tô; dệt may, điện tử – linh kiện; đồ gỗ; nông thủy sản; và bất động sản khu công nghiệp.

1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2025

¹ Hiện mức thuế đối ứng đang được tạm hoãn 90 ngày để thực hiện đàm phán giữa 2 bên. Việt Nam vẫn phải chịu mức thuế quan chung là 10%.

* Trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước diễn biến phức tạp, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Về khai thác khoáng sản: Khu vực mỏ Nà Bốp – Pù Sáp có trữ lượng suy giảm đáng kể cả về hàm lượng và chất lượng do đã khai thác lâu năm.

- Về nguồn nhân lực: Tình trạng thiếu hụt lao động phổ thông diễn ra nghiêm trọng do: Dịch chuyển lao động ra ngoài tỉnh; Sự cạnh tranh lao động ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; Người lao động có nhiều lựa chọn hơn về điều kiện làm việc và mức thu nhập.

*** Định hướng chiến lược của Công ty:**

- Luyện kim tiếp tục là lĩnh vực hoạt động trọng tâm. Công ty đặt mục tiêu duy trì hoạt động ổn định của Nhà máy Luyện chì và Nhà máy Bột kẽm Ô xít.

- Quyết tâm hoàn thành hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn I Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh trong quý III/2025 để tiến hành lắp đặt máy móc thiết bị cho Nhà máy luyện và điện phân kẽm công suất 20.000 tấn/năm trong Quý III và IV/2025, đưa vào vận hành thử nghiệm từ đầu năm 2026.

- Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn II, hướng tới vận hành thương mại toàn bộ Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh và phát triển các nhà máy trong tổ hợp dây chuyền sản xuất trong năm 2026.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2025.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % kế hoạch năm 2025 so với thực hiện 2024
1	Sản lượng khai thác	Tấn	23.710,63	24.000	101,22
2	Khối lượng sản phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	3.835,160	4.000	104,30
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.933,936	4.100	104,22
	- Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	Tấn	5.368,569	5.800	108,03
	- Bột kẽm ôxít	Tấn	4.612,730	3.500	75,88
	- Hợp chất kẽm ôxít	Tấn	1.757,036	2.000	113,83
3	Chuyển nhượng mặt bằng Dự án Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh	M ²	-	5.000	-
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	567,48	573,6	101,08
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65,07	78,9	121,25

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % kế hoạch năm 2025 so với thực hiện 2024
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51,87	63,12	121,69

3. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Năm 2025, trong bối cảnh nhiều thách thức đan xen cơ hội, Hội đồng quản trị (HĐQT) xác định phương hướng hoạt động với tinh thần chủ động, quyết liệt, gắn trách nhiệm điều hành với chiến lược phát triển bền vững, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

3.1. Nâng cao vai trò định hướng chiến lược và giám sát điều hành

Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt vai trò định hướng, lãnh đạo và giám sát toàn diện đối với Ban Tổng Giám đốc trên tinh thần phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn lực nhân sự và cơ sở hạ tầng. Mục tiêu là đảm bảo mọi hoạt động điều hành được triển khai hiệu quả, đồng bộ và đúng định hướng chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3.2. Tập trung chỉ đạo, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty trong việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trên cơ sở linh hoạt, kịp thời và đúng thẩm quyền, nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu cho toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Trong đó, các trọng tâm chỉ đạo bao gồm:

*** Về hoạt động khai thác khoáng sản:** Tiếp tục tổ chức khai thác hiệu quả các mỏ hiện hữu; đồng thời hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép thăm dò đối với các điểm mỏ đã được đưa vào quy hoạch.

*** Về tuyển quặng:** Duy trì hợp tác thuê Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã thực hiện tuyển quặng tại mỏ Nà Bóp – Pù Sáp và mỏ Nà Duồng theo sản lượng khai thác thực tế, đảm bảo chuỗi cung ứng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến.

*** Về đầu tư hạ tầng công nghiệp Luyện kim:**

- Khẩn trương hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I tại CCN Thanh Thịnh, phân đấu hoàn thành xây dựng và lắp đặt thiết bị Nhà máy luyện và điện phân kẽm công suất 20.000 tấn/năm trong Quý III và IV/2025 để tiến hành vận hành thử nghiệm từ đầu năm 2026.

- Triển khai đồng bộ hạ tầng giai đoạn II tại CCN Thanh Thịnh nhằm chuẩn bị mặt bằng và điều kiện kỹ thuật cho các dự án luyện kim sâu.

*** Về kêu gọi đầu tư:**

- Kêu gọi các nhà đầu tư tham gia góp vốn thành lập pháp nhân độc lập để vận hành CCN Thanh Thịnh, với tổng vốn huy động dự kiến lên tới 2.000 tỷ đồng.

- Phát hành cổ phiếu nhằm nâng vốn điều lệ của Công ty từ 117,38 tỷ đồng lên trên 300 tỷ đồng, tạo nguồn lực tài chính vững chắc để tập trung đầu tư cho các dự án then chốt và mang tính nền tảng.

*** Về đầu tư Tổ hợp chế biến sâu kim loại:**

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý và triển khai đầu tư các hạng mục: Nhà máy xử lý sunfua kẽm, Nhà máy hòa tan ôxít kẽm, Nhà máy điện phân kẽm, Dây chuyền điện phân đồng và các công trình phụ trợ trong tổ hợp luyện kim tại CCN Thanh Thịnh.

- Tiến hành các thủ tục pháp lý để triển khai dự án xử lý ắc quy phế thải (120.000 tấn/năm) và dự án xử lý bụi khói lò luyện thép – bụi lò cao (70.000 tấn/năm), tạo thêm nguồn nguyên liệu thứ cấp cho sản xuất, đồng thời thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường.

*** Về phát triển cơ sở hạ tầng Văn phòng:** Dự kiến khởi công trong Quý III/2025 và hoàn thành phần thô công trình Tòa nhà Văn phòng Công ty tại TP. Thái Nguyên trong năm 2026, phục vụ nâng cao năng lực điều hành và chuẩn bị điều kiện phát triển mở rộng mạng lưới hoạt động.

3.3. Củng cố vai trò, chức năng và hiệu quả hoạt động của HĐQT

HĐQT tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ. Đồng thời, không ngừng rà soát, đánh giá và khắc phục các hạn chế tồn tại, thúc đẩy quá trình đổi mới phương thức làm việc, minh bạch hóa hoạt động giám sát và quản trị doanh nghiệp.

Mục tiêu xuyên suốt là xây dựng Hội đồng quản trị vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng hành cùng Ban điều hành trong mọi quyết sách quan trọng, nhằm đưa Công ty phát triển ổn định, bền vững và đáp ứng ngày càng cao kỳ vọng của cổ đông và nhà đầu tư.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban TGD, Kế toán trưởng;
- NQTCT, TKCT (CBTT);
- Lưu: VT, HsĐHĐCĐ2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Phi Hồ

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“BKS”) báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2024 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trải qua những thăng trầm nhất định; đó là 1/4 thời gian chịu sự giám sát trực tiếp về hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Đoàn giám sát do UBND tỉnh Bắc Kạn thành lập, chỉ đạo và thực hiện việc giám sát; nhưng Công ty cũng đã bán được một lượng không nhỏ sản phẩm kẽm sunfua tồn của các năm trước.

Trong năm 2024, BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2024.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất và kinh doanh, nhưng với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, nhất là chiến lược trong kinh doanh của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban điều hành đã giúp Công ty gặt hái được những thành công trong năm 2024 thể hiện qua chỉ tiêu ở bảng dưới đây.

Bảng 1: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2024

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện so với năm 2023
1	Tổng doanh thu	437,7	567,48	439,95	130%	129%
2	Lợi nhuận sau thuế	5,2	51,869	5,129	997%	1.011%

Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty như sau:

- Về tiêu thụ sản phẩm đối với chì kim loại và bột kẽm ô xít mặc dù hoàn thành kế hoạch chưa cao, nhưng giá kim loại kẽm năm 2024 tăng mạnh. Công ty đã bán được một lượng lớn tinh quặng kẽm tồn kho từ những năm trước nên tình hình tài chính của Công ty rất khả quan.

- So với kế hoạch và năm 2023, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2024 đều tăng. Cụ thể doanh thu năm 2024 tăng hơn năm 2023 là 29%; còn chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng tới 911%.

- Tỷ suất lợi nhuận tính theo doanh thu của năm 2024 là: 9,14% cho thấy cứ 10.000 đồng doanh thu có 914 đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất sinh lời tính theo vốn của năm 2024 là: 12,12% cho thấy cứ 10.000 đồng vốn tạo ra 1.212 đồng lợi nhuận và cũng cao hơn so với năm 2023 chỉ tạo ra 139 đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất sinh lời tính theo vốn chủ sở hữu năm 2024 là: 22,08% cho biết cứ 10.000 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra 2.208 đồng lợi nhuận và cũng cao hơn năm 2023 chỉ tạo ra 280 đồng lợi nhuận.

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư năm 2024

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã tiến hành xem xét và biểu quyết thông qua chủ trương triển khai **05 dự án đầu tư trong năm 2024**. Trong quá trình thảo luận, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau đối với tiến độ thực hiện một số dự án cụ thể:

✚ **Dự án Hồ chứa đuôi thải của Xưởng tuyển:** Công trình đã được thi công và hoàn thiện xây dựng. Ban Kiểm soát đề nghị Ban Điều hành khẩn trương phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn tất đầy đủ hồ sơ, thủ tục pháp lý cần thiết, đảm bảo đưa hồ chứa vào vận hành chính thức trong thời gian sớm nhất.

✚ **Dự án Tòa nhà Văn phòng tại tỉnh Thái Nguyên:** Dự án đã được nghiên cứu, xây dựng kế hoạch từ nhiều năm qua và được đưa ra thảo luận trong nhiều cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Tuy nhiên, đến nay tiến độ triển khai vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Ban Kiểm soát đề nghị Tổng Giám đốc có báo cáo cụ thể, làm rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng chậm tiến độ của dự án, đồng thời kiến nghị biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

✚ **Dự án xây dựng Cụm công nghiệp Thanh Thịnh:** Ban Kiểm soát nhận thấy tỷ lệ giải ngân thực tế mới chỉ đạt 22% tổng vốn đầu tư kế hoạch. Đề nghị Ban Điều hành giải trình nguyên nhân chậm giải ngân, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện để đáp ứng đúng tiến độ cam kết với cổ đông và cơ quan chức năng.

✚ **Dự án Nhà máy Luyện và Điện phân kẽm:** Ban Kiểm soát ghi nhận, đến thời điểm Đại hội, dự án này chưa sử dụng bất kỳ khoản vốn đầu tư nào theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đề nghị Ban Điều hành có báo cáo chi tiết về lý do chưa triển khai giải ngân và lộ trình thực hiện trong thời gian tiếp theo.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số nội dung chính như sau:

Bảng 2: Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2024

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
1. Tổng tài sản	428.046.906.095	368.457.837.358
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	143.694.292.293	27.424.122.422
- Các khoản phải thu ngắn hạn	39.494.748.451	80.038.622.855
- Hàng tồn kho	87.115.328.316	146.117.484.978
- Tài sản ngắn hạn khác	14.652.833.271	12.754.636.390
- Các khoản phải thu dài hạn	2.136.456.485	1.895.504.406
- Tài sản cố định (giá trị còn lại)	43.631.497.699	55.802.932.869
- Chi phí XDCB dở dang	11.902.048.907	6.595.777.186
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	28.570.216.075	22.257.416.075
- Tài sản dài hạn khác	56.849.484.598	15.571.340.177
2. Tổng nguồn vốn	428.046.906.095	368.457.837.358
<i>Trong đó:</i>		
- Nợ ngắn hạn phải trả	160.692.053.433	155.008.443.033
- Nợ dài hạn phải trả	32.426.456.485	30.390.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190
- Quỹ đầu tư phát triển	15.574.071.618	15.574.071.618
- Lợi nhuận chưa phân phối	84.924.149.369	33.055.147.517

Từ biểu trên cho biết được năng lực thanh toán như:

- Khả năng thanh toán tổng quát năm 2024 là: 2,22 là rất tốt, nó cho biết cứ 1 đồng nợ phải trả có 2,22 đồng đảm bảo; Và khả năng thanh toán tổng quát của năm nay cũng cao hơn năm 2023 (khả năng thanh toán tổng quát năm 2023 là: 1,99).

- Khả năng thanh toán hiện hành năm 2024 là: 1,77 cho thấy khả năng thanh toán hiện hành chưa cao, mức độ đảm bảo của tài sản lưu động với nợ ngắn hạn còn thấp;

Nhưng khả năng thanh toán hiện hành của năm 2024 vẫn tốt hơn năm 2023 (khả năng thanh toán hiện hành của năm 2023 là: 1,72).

- Khả năng thanh toán nhanh năm 2024 là: 1,23 phản ánh tình hình thanh toán nợ không được tốt lắm, tiền vốn hơi bị ứ đọng, giảm hiệu quả sử dụng vốn; Khả năng thanh toán nhanh năm 2023 là: 0,78 thì lại gặp khó khăn trong thanh toán.

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Công tác giám sát của Ban Kiểm soát

1.1. Đối với Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp chính thức và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản qua email để thảo luận, quyết nghị các vấn đề quan trọng định hướng cho sự phát triển của Công ty.

Các nội dung trình tại các cuộc họp được chuẩn bị đầy đủ, nghiêm túc; các thành viên HĐQT tham gia thảo luận công khai, dân chủ và biểu quyết theo đúng trình tự, quy định của Điều lệ Công ty. Số lượng thành viên tham dự đảm bảo điều kiện hợp lệ để thông qua nghị quyết.

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 09 nghị quyết và quyết định liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý vốn và việc tuân thủ pháp luật trong công bố thông tin. Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của chính HĐQT, đảm bảo đúng quy định và định hướng phát triển của Công ty.

1.2. Đối với Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty.

- Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh: Trong năm 2024, mặc dù còn nhiều khó khăn khách quan, nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và tinh thần quyết tâm cao của Ban Tổng Giám đốc, Công ty từng bước khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo thu nhập cho người lao động, củng cố niềm tin và sự gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

- Về công tác kế hoạch sản xuất và cung ứng vật tư: Hằng tháng, Công ty giao chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị, bộ phận, đồng thời áp dụng cơ chế thưởng – phạt minh bạch nhằm khuyến khích năng suất lao động, đặc biệt trong các đợt thi đua sản xuất.

- Về công tác kế toán: Công tác kế toán có nhiều cố gắng, đảm bảo việc lập và nộp báo cáo kịp thời, đúng hạn. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát nhận thấy vẫn còn sai lệch giữa báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán, cần tiếp tục được khắc phục.

- Về tiến độ triển khai các dự án đầu tư: Ban Kiểm soát đề nghị Ban Tổng Giám đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm trước, nhằm đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và đảm bảo mục tiêu tăng trưởng.

1.3. Đối với cổ đông

Thông qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát không phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm nào từ phía cổ đông liên quan đến quy định của Luật Chứng khoán hoặc nghĩa vụ công bố thông tin. Trong năm 2024, Ban Kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị, phản ánh nào từ cổ đông liên quan đến sai phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát hay cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Sự phối hợp hoạt động

Trong suốt quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đảm bảo tính minh bạch, khách quan trong quản trị và điều hành doanh nghiệp.

3. Kết luận và kiến nghị

Trên cơ sở kết quả giám sát năm 2024, Ban Kiểm soát đánh giá:

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức trách, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì ổn định trong bối cảnh nhiều thách thức;
- Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty được cải thiện tích cực;
- Tuy nhiên, một số tồn tại như tiến độ thực hiện dự án đầu tư và chất lượng báo cáo tài chính sau kiểm toán cần được quan tâm và có giải pháp khắc phục kịp thời.

Kính thưa Quý vị Đại biểu, Quý cổ đông,

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và cho ý kiến.

Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, sự hợp tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong suốt thời gian qua.

Xin kính chúc Quý vị Đại biểu, Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ năm 2025;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- CVP, Thư ký Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thế Phòng

Số: 156/2025/BC-TGD

TP. Bắc Kạn, ngày 10 tháng 5 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

--

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, Ban Điều hành Công ty trân trọng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG VÀ LĨNH VỰC KHAI KHOÁNG NĂM 2024

1. Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn do ảnh hưởng từ các yếu tố địa chính trị phức tạp như xung đột kéo dài giữa Nga – Ukraina, căng thẳng leo thang tại Trung Đông và xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ thương mại ở nhiều nền kinh tế lớn. Chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được khôi phục hoàn toàn, trong khi lạm phát vẫn ở mức cao tại nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí sản xuất và làm suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong nước, nền kinh tế Việt Nam duy trì được sự ổn định vĩ mô tương đối tốt. Lạm phát được kiểm soát, tỷ giá ổn định, và GDP cả năm đạt mức tăng trưởng 7,09%, vượt mục tiêu đề ra của Quốc hội. Kết quả này có được nhờ động lực phục hồi mạnh mẽ từ khu vực sản xuất – chế biến, đầu tư công và hoạt động xuất khẩu.

Đối với lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, năm 2024 là một năm nhiều khó khăn và thách thức. Giá nguyên vật liệu và nhiên liệu đầu vào tăng cao, trong khi nhu cầu tiêu thụ giảm tại một số thị trường xuất khẩu chủ lực do chi phí logistics, thuế nhập khẩu và lạm phát nội địa. Các mỏ hiện hữu dần suy giảm trữ lượng, còn tiến độ cấp phép cho các mỏ mới vẫn chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định.

Trước bối cảnh đó, các doanh nghiệp ngành khai khoáng, trong đó có Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, đã chủ động thích ứng thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong khai thác và chế biến, tối ưu hóa quy trình sản xuất, kiểm soát chi phí và triển khai các dự án đầu tư chiến lược nhằm nâng cao năng lực nội tại, từng bước tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, mặc dù thời gian giải quyết các thủ tục hành chính đã được cải thiện theo hướng tinh giản, nhưng tính linh hoạt trong vận dụng thực tiễn còn hạn chế, quy trình vẫn mang tính cứng nhắc, chưa đáp ứng kịp yêu cầu triển khai nhanh các dự án trọng điểm. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ của một số hạng mục như: Hồ chứa đê điều thái mới tại Chợ Đồn, Tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái Nguyên, và dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh tại huyện Chợ Mới.

2. Thuận lợi

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục thừa hưởng nhiều yếu tố thuận lợi nội tại và ngoại lực giúp ổn định sản xuất và duy trì đà tăng trưởng. Cụ thể:

- Sự lãnh đạo quyết liệt và định hướng đúng đắn từ Ban lãnh đạo Công ty: Với tinh thần chỉ đạo sâu sát thực tiễn, phản ứng nhanh trước các biến động, Ban lãnh đạo đã kịp thời ban hành các quyết sách phù hợp với tình hình từng thời điểm, góp phần giữ vững sản xuất và đảm bảo hiệu quả điều hành.
- Tập thể đoàn kết, thống nhất cao: Nội bộ Công ty duy trì sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cấp quản lý và đội ngũ người lao động, phát huy tinh thần đồng lòng, chung sức, vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ.
- Sự ủng hộ tích cực từ chính quyền địa phương: Các cấp chính quyền tỉnh Bắc Kạn luôn đồng hành, hỗ trợ kịp thời trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục pháp lý, hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai hiệu quả các kế hoạch sản xuất kinh doanh.

3. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng phải đối mặt với không ít khó khăn mang tính hệ thống và đặc thù ngành, cụ thể:

- **Áp lực chi phí sản xuất gia tăng:** Giá nguyên, nhiên liệu, vật tư đầu vào liên tục leo thang trong bối cảnh thị trường biến động mạnh, kéo theo giá thành sản phẩm tăng, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và tốc độ tiêu thụ hàng hóa, dẫn đến mất cân đối dòng tiền cho tái đầu tư sản xuất.
- **Suy giảm sản lượng và chất lượng tài nguyên khai thác:** Các mỏ hiện hữu đang được khai thác trong điều kiện ngày càng khắc nghiệt, trữ lượng hạn chế, hàm lượng khoáng sản thấp, trong khi các mỏ mới chưa được cấp phép thăm dò hoặc khai thác, gây thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến.
- **Khó khăn trong tuyển dụng và giữ chân lao động:** Tình trạng khan hiếm lao động cả phổ thông lẫn kỹ thuật cao vẫn tiếp diễn, trong khi cạnh tranh thu hút nhân sự giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng sản xuất.
- **Thủ tục hành chính còn thiếu linh hoạt:** Mặc dù đã có nhiều cải thiện trong cải cách hành chính, song một số quy trình vẫn mang tính cứng nhắc, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của Công ty.

PHẦN II: NHỮNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

Bảng 1. Một số chỉ tiêu đạt được trong sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện năm 2024 với năm 2023 (%)	So sánh thực hiện năm 2024 với kế hoạch 2024 (%)
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	26.424,37	24.500	23.710,63	89,73	96,78
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến						
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.545,887	4.550	3.835,160	84,37	84,29
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.368,388	3.650	3.933,936	90,05	107,78
	- Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	Tấn	7.046,119	8.000	5.368,569	76,19	67,11
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	5.012,075	6.500	4.612,730	92,03	70,97
3	Khối lượng hàng hóa xuất bán						
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.505,989	0	13.060,253	372,51	
	- Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	Tấn	7.367,365	7.500	5.302,232	71,97	70,70
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	3.157,330	6.800	2.271,104	71,93	33,40
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	439,951	437,7	567,5	128,99	129,66
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	5,129	5,20	51,87	1.011,3	997,5
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	51,498	50,0	61,8	120,00	123,60
7	Nộp bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,452	Đầy đủ	5,741	105,30	100,0
8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,9	8,0	8,0	101,27	100,0
9	Vốn đầu tư thực hiện năm	Tỷ đồng	20,256	1.713,6	48,583	239,84	2,84

Bảng 2. Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2024

TT	Tên dự án	Giá trị (tỷ đồng)
1	Hồ chứa đuôi thải xường tuyển	5,728
2	Xây tòa nhà văn phòng ở Thái Nguyên	-
3	XD Cụm công nghiệp Thanh Thịnh - Chợ Mới	42,855
4	Thăm dò 02 điểm mỏ trong tỉnh	-
5	Tổ hợp dây truyền luyện kẽm và điện phân kẽm tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh	-
	Tổng cộng	48,583

2. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư năm 2024

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn đã nỗ lực triển khai đồng bộ các hạng mục đầu tư trọng điểm, tập trung vào ba nhóm hoạt động chính: khai thác tài nguyên, chế biến khoáng sản và phát triển dự án mới. Cụ thể:

2.1. Hoạt động khai thác khoáng sản

- ✚ Mỏ Nà Bốp – Pù Sáp tiếp tục vận hành ổn định với sản lượng khai thác đạt 19.013,61 tấn quặng, duy trì vai trò là nguồn cung chính cho hoạt động chế biến của Công ty.
- ✚ Mỏ Nà Duồng đạt sản lượng khai thác 4.697,02 tấn quặng, đóng góp tích cực vào tổng sản lượng quặng nguyên khai trong năm.

2.2. Hoạt động sản xuất – chế biến

Trong năm 2024, các nhà máy chế biến của Công ty vận hành ổn định và đạt được các kết quả cụ thể như sau:

- ✚ Nhà máy luyện chì sản xuất được 5.368,569 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb \geq 97%), đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật và nhu cầu thị trường.
- ✚ Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít đạt sản lượng 4.590,79 tấn ZnO, với hàm lượng dao động trong khoảng 50–75%.
- ✚ Nhà máy CBRQ-NGK Bắc Kạn duy trì hoạt động ở mức tối thiểu, chủ yếu cung cấp nước phục vụ sinh hoạt nội bộ cho các đơn vị sản xuất của Công ty.

2.3. Hoạt động thăm dò khoáng sản

Trong năm 2024, Công ty chưa thể triển khai hoạt động thăm dò các điểm mỏ mới do:

- ✚ Chưa được phê duyệt danh mục đấu giá hoặc không đấu giá quyền khai thác khoáng sản - điều kiện bắt buộc để hoàn thiện thủ tục pháp lý tiếp theo.

- ✚ Bộ Công Thương đã có văn bản yêu cầu rà soát, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch điểm mỏ, tuy nhiên đến cuối năm, các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vẫn chưa hoàn tất.

2.4. Hoạt động đầu tư khác

- ✚ Theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 14/6/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An (NSB) phát hành tăng vốn điều lệ, theo đó nâng số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An lên 1.021.680 cổ phiếu (tương ứng với 5,41% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An).

Có thể thấy năm 2024, trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, nguồn lực tài chính và thủ tục pháp lý còn nhiều rào cản, hoạt động đầu tư của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tuy chưa đạt được mức độ triển khai như kỳ vọng, nhưng đã đặt nền móng quan trọng cho các dự án trọng điểm trong trung và dài hạn.

✚ Về hiệu quả đầu tư:

- Tỷ lệ giải ngân còn thấp, chỉ đạt hơn 48 tỷ đồng so với nhu cầu vốn kế hoạch là hơn 1.700 tỷ đồng (tương đương 2,84%). Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chưa hoàn thiện các điều kiện pháp lý như thủ tục đất đai, phê duyệt quy hoạch và giấy phép đầu tư.
- Một số dự án đã có tiến độ triển khai thực tế, điển hình như hồ chứa đuôi thái và hạ tầng giai đoạn I tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, tuy chưa hoàn thành đồng bộ nhưng đã bước đầu tạo điều kiện cho việc triển khai các hạng mục công nghệ trong năm 2025.
- Các dự án thăm dò mỏ và đầu tư ngoài ngành chưa đạt tiến độ theo kế hoạch do phụ thuộc hoàn toàn vào quyết định và thủ tục từ các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Công tác nhân sự năm 2024

Trong năm 2024, công tác nhân sự của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn được triển khai ổn định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành sản xuất và định hướng phát triển trung - dài hạn.

3.1. Cơ cấu Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty tiếp tục duy trì với 05 thành viên, là những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực điều hành thực tiễn và am hiểu sâu về ngành nghề hoạt động, duy trì vai trò trung tâm trong điều phối, triển khai hoạt động sản xuất – kinh doanh và thực hiện các mục tiêu chiến lược của Công ty. Cơ cấu cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đình Văn Hiến	Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
2	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc
3	Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc
4	Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc
5	Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc

3.2. Tổ chức bộ máy và điều động nhân sự cấp cao

• Về cơ cấu tổ chức: Trong năm 2024, bộ máy tổ chức của Công ty không có sự thay đổi lớn, tiếp tục được giữ ổn định nhằm đảm bảo tính liên tục trong điều hành và vận hành hiệu quả các đơn vị trực thuộc.

• Về nhân sự cấp cao: Công ty đã thực hiện bãi nhiệm Giám đốc Xí nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản Chợ Đồn, đồng thời bổ nhiệm Phó Giám đốc phụ trách xí nghiệp, nhằm tăng cường năng lực điều hành tại đơn vị sản xuất trọng điểm.

3.3. Quy mô và phân bổ lao động

Tính đến cuối năm 2024, tổng số lao động toàn Công ty là 394 người, trong đó phần lớn lực lượng lao động tập trung tại các đơn vị khai thác và sản xuất ở huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Đội ngũ lao động cơ bản đáp ứng nhu cầu vận hành nhưng vẫn còn thiếu hụt lao động có tay nghề cao và chuyên môn kỹ thuật.

3.4. Công tác đào tạo và huấn luyện chuyên môn

Dù còn đối mặt với nhiều khó khăn trong sản xuất – kinh doanh, Công ty vẫn duy trì nghiêm túc các chương trình đào tạo và huấn luyện định kỳ, bao gồm:

- Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- Đào tạo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất;
- Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ kỹ thuật, quản lý cấp cơ sở.

Tất cả chương trình đều được tổ chức theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng tiêu chuẩn an toàn sản xuất. Công tác đào tạo góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực làm việc, giảm thiểu rủi ro lao động và chuẩn bị nguồn nhân lực cho các dự án mở rộng trong tương lai.

3.5. Công tác an sinh xã hội:

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng luôn chú trọng và tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, các chương trình ủng hộ các quỹ từ thiện và tham gia các hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng, trong đó trọng tâm các chương trình: Tặng quà Tết cho các gia đình chính sách, hộ gia đình nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; hỗ trợ học bổng và tặng quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi, thiếu niên nhi đồng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em khuyết tật, bệnh tật, trẻ em bị tai nạn thương tích; Tặng quà thương bệnh

binh, gia đình chính sách, người có công, người tham gia hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học nhân ngày 27/7; ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em và đặc biệt tích cực tham gia ủng hộ Nhân dân tỉnh Bắc Kạn bị thiệt hại do Bão số 3 (Yagi) gây ra,.. với tổng kinh phí thực hiện gần 500 triệu đồng.

4. Công tác quản trị, điều hành của Công ty năm 2024

Trong bối cảnh nhiều khó khăn và biến động của thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động thực hiện tốt vai trò quản trị điều hành, duy trì ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh và từng bước nâng cao hiệu quả vận hành tổng thể. Các nội dung quản trị được triển khai đồng bộ, cụ thể như sau:

- **Chủ động dự báo và ứng phó linh hoạt với rủi ro:** Trước những thách thức về chi phí nguyên liệu, gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động thị trường, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời đánh giá tác động, điều chỉnh kế hoạch điều hành, đảm bảo sản xuất không bị gián đoạn, góp phần duy trì đà tăng trưởng và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

- **Quản trị nguồn nhân lực bền vững:** Công ty tiếp tục quan tâm, chăm lo và phát triển đội ngũ người lao động bằng việc giữ vững chính sách tiền lương, thu nhập ổn định; thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, phúc lợi theo quy định; đồng thời, đẩy mạnh công tác thu hút và giữ chân lao động có tay nghề cao phục vụ sản xuất lâu dài.

- **Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và cộng đồng:** Các nghĩa vụ tài chính như thuế, bảo hiểm xã hội được thực hiện nghiêm túc, đúng hạn. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương, thể hiện trách nhiệm cộng đồng và tinh thần doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững.

- **Quản lý và đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật:** Công ty tiếp tục cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống nhà xưởng, nhà ở công nhân và trang thiết bị phục vụ sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- **Tăng cường kiểm soát môi trường và điều kiện làm việc:** Công tác bảo vệ môi trường được đặt lên hàng đầu với việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, đồng thời cải thiện điều kiện lao động, không gian sinh hoạt và phúc lợi nhằm tạo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và chuyên nghiệp.

Thông qua việc triển khai hiệu quả các nội dung công tác quản trị nêu trên, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn đã khẳng định vai trò quản lý vững chắc, tạo nền tảng cho phát triển ổn định và nâng cao vị thế trên thị trường khoáng sản.

5. Nguyên nhân một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra

1.2.1. Chỉ tiêu về sản lượng Chì kim loại:

Chưa đạt kế hoạch do thiếu hụt nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình vận hành và sản lượng đầu ra.

1.2.2. Chỉ tiêu về sản lượng Bột kẽm ô xít:

Nguồn nguyên liệu cung ứng cho nhà máy gặp khó khăn do sự cạnh tranh khốc liệt từ nhiều đơn vị thu gom trên thị trường, dẫn đến việc không đảm bảo đủ nguyên liệu cho sản xuất theo kế hoạch.

1.2.3. Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư các dự án:

- Dự án Hồ chứa đuôi thái xường tuyến:

Hiện đã giải ngân 5,728/10 tỷ đồng. Công tác thi công đã hoàn tất tuy nhiên chưa thể đưa hồ chứa vào vận hành do vướng mắc trong việc hoàn thiện thủ tục đất đai theo yêu cầu của các cơ quan chức năng. Dự kiến công trình sẽ được đưa vào khai thác trong tháng 5 năm 2025.

- Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên:

Dự án đã được gia hạn tiến độ thực hiện. Tuy nhiên, việc xin cấp giấy phép xây dựng chưa thể triển khai do cần hoàn tất các thủ tục liên quan đến điều chỉnh quy hoạch và thiết kế thi công. Vì vậy, tiến độ giải ngân chưa được thực hiện trong giai đoạn này.

- Dự án thăm dò khai thác 02 điểm mỏ trong tỉnh:

Chưa tiến hành giải ngân (0/5 tỷ đồng) do phải chờ cơ quan chức năng phê duyệt danh mục đấu giá hoặc quyết định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo. Bên cạnh đó, năm 2024, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu rà soát, chỉnh sửa và bổ sung danh mục điểm mỏ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, các nội dung này vẫn chưa được thông qua.

- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh:

Đã giải ngân 42,855/427 tỷ đồng. Nguyên nhân là trong năm 2024 mới chỉ hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và hoàn tất thủ tục giao đất giai đoạn I với diện tích 11,3/50 ha, chưa đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

- Dự án Tổ hợp dây chuyền luyện kẽm và điện phân kẽm:

Chưa được giải ngân (0/1.500 tỷ đồng) do chưa có mặt bằng thi công, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án.

Qua phân tích các nguyên nhân dẫn đến việc không đạt một số chỉ tiêu kế hoạch, có thể thấy rằng các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến từ:

- Thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào, do phụ thuộc nhiều vào thị trường và năng lực thu gom.
- Vướng mắc trong công tác thủ tục hành chính, pháp lý, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đất đai, quy hoạch và cấp phép xây dựng.
- Tiến độ giải ngân đầu tư công và các dự án trọng điểm bị chậm, một phần do cơ chế phê duyệt từ các cấp quản lý Nhà nước còn kéo dài, một phần do công tác chuẩn bị đầu tư chưa được thực hiện đồng bộ và chủ động.

- Hạn chế trong công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn với các cơ quan chức năng, khiến cho nhiều nội dung không thể hoàn tất đúng tiến độ đề ra.

Những yếu tố trên không chỉ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn, mà còn có thể tác động tiêu cực đến chiến lược đầu tư, mở rộng quy mô và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong trung và dài hạn.

PHẦN III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2025

1. Bối cảnh kinh tế thế giới

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với rủi ro cao. Xung đột Nga – Ukraina chưa có lối thoát, căng thẳng Mỹ – Iran và biến động khu vực Trung Đông gia tăng, kéo theo hệ lụy về an ninh năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu. Chính sách bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ, với mức thuế quan áp dụng trên diện rộng (25% đối với thép, nhôm, ô tô; 10–50% đối với hàng hóa từ hơn 60 quốc gia) đã tạo sức ép lớn lên thương mại quốc tế, đẩy giá hàng hóa tăng mạnh.

Theo Liên Hợp Quốc, tăng trưởng toàn cầu năm 2025 sẽ duy trì dưới mức tiền đại dịch, bất chấp các điều kiện tài chính đang được nới lỏng và thị trường lao động cải thiện. Bất ổn địa chính trị, áp lực lạm phát cục bộ và xu hướng phân mảnh chuỗi giá trị toàn cầu vẫn là những nhân tố chính cản trở đà phục hồi bền vững.

2. Kinh tế trong nước

Trong nước, kinh tế Việt Nam duy trì xu hướng phục hồi tích cực. Nông – lâm – ngư nghiệp tăng trưởng nhờ chuyển đổi công nghệ và xuất khẩu thuận lợi theo các FTA. Công nghiệp dự kiến tăng 7–9%, với động lực từ đầu tư công, FDI và chuyển đổi công nghệ. Dịch vụ hồi phục rõ nét, đặc biệt trong du lịch và logistics.

Chính phủ đang tập trung hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, tháo gỡ điểm nghẽn hành chính, thúc đẩy niềm tin của khu vực tư nhân. Quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và đầu tư vào hạ tầng trọng điểm đang tạo xung lực mới cho tăng trưởng.

Việt Nam chủ động hội nhập sâu vào các FTA thế hệ mới không chỉ mở rộng thị trường mà còn nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng khả năng thu hút đầu tư chiến lược.

3. Tình hình thực tế tại Công ty

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nguồn tài nguyên tại các mỏ hiện hữu đang suy giảm nhanh, điều kiện khai thác khó khăn, trữ lượng và hàm lượng thấp, kéo theo chi phí tăng. Trong khi đó, các mỏ mới

do Công ty đề xuất vẫn chưa được cấp phép thăm dò – khai thác, dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho nhà máy, ảnh hưởng đến công suất vận hành và hiệu quả kinh doanh.

Nguồn lao động phổ thông khan hiếm, tuyển dụng khó khăn, chi phí nhân công tăng, ảnh hưởng đến năng lực tổ chức sản xuất. Đây là yếu tố rủi ro lớn cần được chủ động kiểm soát.

Trong bối cảnh đó, Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc sản xuất, tối ưu hóa quy trình khai thác – chế biến, đồng thời xây dựng lộ trình đầu tư mở mới và phát triển chuỗi cung ứng nguyên liệu bền vững. Ưu tiên chiến lược là ứng dụng công nghệ nâng cao giá trị sản phẩm, tiết giảm chi phí và đảm bảo an toàn vận hành trong điều kiện tài nguyên ngày càng suy giảm.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu chính năm 2025

Bảng 4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % tăng/giảm kế hoạch năm 2025 so với thực hiện 2024
1	Khối lượng sản phẩm sản xuất				
1.1	Sản lượng quặng khai thác	Tấn	23.710,63	24.000	101,22
1.2	Khối lượng sản phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	3.835,160	4.000	104,30
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.933,936	4.100	104,22
	- Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	Tấn	5.368,569	5.800	108,03
	- Bột kẽm ôxít	Tấn	4.612,730	3.500	75,88
	- Hợp chất kẽm ôxít	Tấn	1.757,036	2.000	113,83
2	Khối lượng sản phẩm xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm	Tấn	13.060,253	5.500	42,11
	- Chì thời	Tấn	5.302,232	5.800	109,39
	- Bột kẽm ôxít	Tấn	2.271,104	3.500	154,11
	- Hợp chất kẽm ôxít thành phẩm	Tấn	3.178,499	2.100	66,07
	- Xử lý bùn thủy luyện kẽm	Tấn	2.995,882	3.000	100,14

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % tăng/giảm kế hoạch năm 2025 so với thực hiện 2024
	- Hợp chất kẽm ôxit (nhập khẩu)	Tấn	1.010,160	2.100	207,89
3	Chuyển nhượng mặt bằng Dự án Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh	M ²	-	5.000	-
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	567,48	573,6	101,08
5	Giá vốn bán hàng	Tỷ đồng	477,55	470,6	98,54
6	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	2,64	3,3	125,00
7	Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	10,37	11,3	108,97
8	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	3,06	3,9	127,45
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	16,36	14,4	88,02
10	Thu nhập khác	Tỷ đồng	4,99	4,8	96,19
11	Chi phí khác	Tỷ đồng	2,69	2,7	100,37
12	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65,07	78,9	121,25
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	13,20	15,78	119,55
14	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51,87	63,12	121,69
15	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	61,8	68,0	110,03
16	Thu nhập bình quân/người	Tr. đồng	8,0	8,0	100,00
17	Nộp BHXH, BHYT	Tr. đồng	5,742	Đầy đủ	100,00
18	Nhu cầu sử dụng vốn trong năm	Tỷ đồng	48,583	1.900	3.910,83

*** Tổng vốn đầu tư trong năm 2025:**

Bảng 5. Nhu cầu vốn cho các dự án của Công ty năm 2025

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
1	Xây tòa nhà văn phòng ở Thái Nguyên	10,0	Vốn tự có, vốn vay hoặc vốn huy động
2	Cụm công nghiệp Thanh Thịnh - Chợ Mới	385	
3	Thăm dò 02 điểm mỏ trong tỉnh	5,0	

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
4	Tổ hợp dây truyền luyện kẽm và điện phân kẽm tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh	1.500	
	Tổng cộng	1.900	

Bảng 6. Nhu cầu vốn cho các dự án chuẩn bị trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

TT	Tên dự án	Ghi chú
1	Dự án Điện phân Đồng tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh	Sẽ thực hiện theo tình hình thực tế bằng nguồn vốn tự có, vốn vay, vốn huy động; Tùy thuộc vào thực tế sẽ trình HĐQT quyết định.
2	Dự án xử lý ác quy phế thải tại Cụm CN Thanh Thịnh	Sẽ thực hiện theo tình hình thực tế bằng nguồn vốn tự có, vốn vay, vốn huy động; Tùy thuộc vào thực tế sẽ trình HĐQT quyết định.
3	Dự án xử lý bụi khói lò luyện thép (bụi lò cao) tại Cụm CN Thanh Thịnh	Sẽ thực hiện theo tình hình thực tế bằng nguồn vốn tự có, vốn vay, vốn huy động; Tùy thuộc vào thực tế sẽ trình HĐQT quyết định.
4	Tiếp tục góp vốn vào Công ty cổ phần sầu riêng Tây Nguyên	Sẽ thực hiện theo thực tế khi Công ty cổ phần sầu riêng Tây Nguyên phát hành cổ phiếu

2. Lĩnh vực khai thác và thăm dò khoáng sản

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung duy trì và khai thác hiệu quả các mỏ hiện có nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định cho hoạt động chế biến:

✓ **Mỏ Nà Bóp – Pù Sáp:** Duy trì công suất khai thác ổn định, sản lượng kế hoạch đạt 19.250 tấn quặng/năm.

✓ **Mỏ Nà Duồng:** Khai thác theo đúng công suất được cấp phép, sản lượng dự kiến 4.750 tấn quặng/năm.

Đồng thời, Công ty sẽ chủ động triển khai công tác chuẩn bị đầu tư thông qua việc tiếp tục lập và hoàn thiện hồ sơ pháp lý để đề nghị cấp phép thăm dò tại các điểm mỏ đã được quy hoạch, làm cơ sở cho việc mở rộng trữ lượng khai thác trong trung và dài hạn.

3. Lĩnh vực chế biến khoáng sản

Hoạt động chế biến tiếp tục được duy trì và nâng cấp nhằm nâng cao năng lực xử lý quặng đầu vào và gia tăng giá trị sản phẩm:

✓ **Hợp tác chế biến:** Tiếp tục thuê Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã thực hiện tuyển quặng từ các mỏ Nà Bốp – Pù Sáp và Nà Duồng, phù hợp với sản lượng khai thác thực tế và năng lực xử lý của đơn vị đối tác.

✓ **Cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến:** Đưa vào vận hành hồ chứa đuôi thải mới thuộc Xưởng tuyển nổi (Chợ Đồn), bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường và an toàn vận hành lâu dài.

✓ **Đầu tư chiều sâu:** Hoàn thiện toàn bộ hồ sơ pháp lý và triển khai dự án tổ hợp luyện và điện phân kẽm tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh (huyện Chợ Mới). Dự án bao gồm:

- Nhà máy xử lý sunfua kẽm
- Nhà máy hòa tách ôxít kẽm
- Nhà máy điện phân kẽm
- Hệ thống công trình phụ trợ và hạ tầng đồng bộ

Dự án này có ý nghĩa chiến lược trong việc nâng cao nội lực công nghệ, tự chủ sản xuất, mở rộng chuỗi giá trị và tạo bước ngoặt trong định hướng phát triển chế biến sâu của Công ty.

4. Các hoạt động trọng điểm khác

✓ **Hạ tầng công nghiệp:** Tập trung triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, tạo nền tảng tiếp nhận và vận hành các dự án công nghiệp chế biến khoáng sản có quy mô lớn trong giai đoạn tới.

✓ **Hiệu quả vận hành:** Tăng cường rà soát toàn diện hoạt động sản xuất, từ khai thác đến chế biến; thực hiện các biện pháp kiểm soát nội bộ, tinh gọn quy trình nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên và tăng cường bảo vệ môi trường.

✓ **Phát triển cơ sở điều hành:** Tiến hành hoàn thiện các thủ tục pháp lý và xúc tiến đầu tư xây dựng Trụ sở điều hành văn phòng tại thành phố Thái Nguyên, góp phần nâng cao hình ảnh doanh nghiệp, đồng thời củng cố nền tảng hạ tầng phục vụ hoạt động quản trị và phát triển dài hạn.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Để thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty đề ra một số nhóm giải pháp trọng tâm, tập trung vào điều hành chiến lược, thu hút đầu tư, tối ưu nguồn lực và nâng cao hiệu quả vận hành như sau:

1. Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt các dự án trọng điểm

✓ Thực hiện sát sao, đồng bộ các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2025 theo lộ trình đã đề ra, trong đó ưu tiên hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng các dự án đầu tư chiến lược, bao gồm:

- o Cụm công nghiệp Thanh Thịnh – Chợ Mới
- o Tổ hợp luyện và điện phân kẽm tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh
- o Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng tại TP. Thái Nguyên
- o Dự án xin cấp phép thăm dò hai điểm mỏ trong địa bàn tỉnh

2. Huy động và phát triển nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư

✓ Thu hút nhà đầu tư chiến lược, kêu gọi góp vốn để thành lập pháp nhân độc lập quản lý và phát triển Cụm công nghiệp Thanh Thịnh với quy mô vốn dự kiến 2.000 tỷ đồng.

✓ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 117,38 tỷ đồng lên trên 300 tỷ đồng, tạo nguồn lực tài chính mạnh mẽ phục vụ cho các dự án ưu tiên trong chiến lược phát triển trung và dài hạn.

✓ Mở rộng mạng lưới hợp tác, tìm kiếm đối tác cung ứng nguyên liệu ổn định, dài hạn, đảm bảo duy trì hoạt động liên tục, hiệu quả của các nhà máy chế biến.

3. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương

✓ Chủ động, tích cực làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương nhằm tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, đảm bảo các hoạt động đầu tư và sản xuất được triển khai thuận lợi, đúng pháp luật, đúng tiến độ.

4. Siết chặt công tác quản lý, quản trị rủi ro toàn diện

✓ Nâng cao hiệu quả quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp, linh hoạt và thực tiễn, gắn kết chặt chẽ với yêu cầu pháp lý, đặc thù ngành nghề và điều kiện thực tế của Công ty.

✓ Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm và giám sát rủi ro vận hành, kịp thời phát hiện – xử lý các điểm nghẽn, tồn tại, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển bền vững.

5. củng cố hệ thống nhân sự và nâng cao hiệu suất tổ chức

✓ Tăng cường trách nhiệm cá nhân và tập thể, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, trong việc chủ động triển khai nhiệm vụ được giao, sâu sát thực tiễn, gắn bó với cơ sở.

✓ Thúc đẩy sự phối hợp liên phòng, liên đơn vị, hình thành văn hóa làm việc đồng bộ – tương trợ – trách nhiệm, nâng cao hiệu quả thực hiện mục tiêu chung.

6. Phát triển nguồn nhân lực gắn với an toàn và đời sống người lao động

✓ Tăng cường kỷ luật lao động, chấp hành nghiêm quy trình kỹ thuật và an toàn sản xuất, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến tiến độ, tinh thần và năng suất lao động.

✓ Duy trì ổn định việc làm, từng bước cải thiện thu nhập, đời sống văn hóa – tinh thần cho người lao động, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động trên nền tảng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban Điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ năm 2025;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT, PC, VP.



Đinh Văn Hiến

Số: 18/2025/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam. Báo cáo tài chính được công khai trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://backanco.com>.

1. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo của Ban giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. Một số chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐTV	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ % năm 2024 so với năm 2023
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A. TỔNG TÀI SẢN	Đồng	428.046.906.095	368.457.837.358	116%
1. Tài sản ngắn hạn	Đồng	284.957.202.331	266.334.866.645	107%
2. Tài sản dài hạn	Đồng	143.089.703.764	102.122.970.713	140%
B. TỔNG NGUỒN VỐN	Đồng	428.046.906.095	368.457.837.358	116%
1. Nợ phải trả	Đồng	193.118.509.918	185.398.443.033	104%
2. Vốn chủ sở hữu	Đồng	234.928.396.177	183.059.394.325	128%
Trong đó:				
+ Vốn góp của chủ sở hữu	Đồng	117.377.280.000	117.377.280.000	100%
+ Thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển	Đồng	32.626.966.808	32.626.966.808	100%
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	84.924.149.369	33.055.147.517	257%

Chỉ tiêu	ĐTV	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ % năm 2024 so với năm 2023
II. KẾT QUẢ KINH DOANH				
1. Tổng doanh thu và thu nhập (tài chính + khác)	Đồng	575.104.437.565	447.445.143.703	129%
2. Tổng chi phí	Đồng	510.037.388.544	441.391.296.851	116%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	65.067.049.021	6.053.846.852	1.075%
4. Thuế TNDN	Đồng	13.198.047.169	924.757.913	1.427%
5. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	51.869.001.852	5.129.088.939	1.011%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4.419	437	1.011%

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 19 /2025/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần
từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, chào bán chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ kết quả thảo luận và biểu quyết của Hội đồng quản trị ngày 09/5/2025 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Tờ trình của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với nội dung như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

Tên tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn
Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	BKC
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Vốn điều lệ công ty:	117.377.280.000 đồng
Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	11.737.728 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	11.737.728 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	11.737.728 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:	117.377.280.000 đồng
Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:	
- Vốn điều lệ trước phát hành:	117.377.280.000 đồng
- Số vốn điều lệ tăng thêm dự kiến (theo mệnh giá):	117.377.280.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành:	234.754.560.000 đồng
Mục đích phát hành:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành):	100%
Tỷ lệ thực hiện quyền:	1 : 1 (Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 1:1. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 01 quyền sẽ nhận thêm 01 cổ phiếu phát hành thêm).
Phương thức phát hành:	Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền nhận cổ phiếu. Quyền nhận cổ phiếu không được chuyển nhượng.
Thời gian dự kiến phát hành:	Dự kiến trong năm 2025, sau khi có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
Đối tượng nhận cổ phiếu phát hành thêm:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để thực hiện quyền nhận cổ phiếu

	phát hành thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.	
Nguồn vốn thực hiện:	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và Quỹ Đầu tư phát triển tại Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán của Công ty.	
Chi tiết:	- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.000.000 đồng
	- Quỹ Đầu tư phát triển	15.570.000.000 đồng
	- LNST chưa phân phối	84.755.280.000 đồng
	Tổng cộng	117.377.280.000 đồng
Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có):	<p>Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn sẽ được hủy bỏ.</p> <p>Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1 : 1 (nhân đôi số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu đang sở hữu) nên không có phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ.</p> <p>VD: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu. Với tỷ lệ phát hành 100%, cổ đông A sẽ nhận được số cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $100 \text{ CP} \times 100\% = 100 \text{ cổ phiếu}$.</p>	
Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.	
Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Tăng quy mô vốn điều lệ tăng để sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.	
Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.	
Phương thức phân phối:	<p>Đối với chứng khoán lưu ký: người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ phiếu phát hành tại các Thành viên lưu ký nơi mở Tài khoản lưu ký chứng khoán.</p> <p>Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ phiếu phát</p>	

	hành tại Trụ sở Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.
Mục đích phát hành:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2. Thông qua việc thay đổi điều khoản quy định Vốn điều lệ tại Điều lệ hoạt động của công ty và điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư sau khi có chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của UBCK Nhà nước.

3. Thông qua việc đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung cho toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung cho toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định của luật hiện hành.

4. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan để triển khai và hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung công việc như sau:

- Triển khai thực hiện phát hành, thông qua hồ sơ phát hành và phân phối cổ phiếu theo phương án phát hành;

- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật;

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;

- Quyết định xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có);

- Quyết định và tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, hoặc theo yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm từ kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và ký ban hành điều lệ Công ty;

- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu;

- Thực hiện hoàn tất các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật;

- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo việc phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty (CBTT);
- TV HĐQT, BTGD, BKS;
- Ban Điều hành Công ty;
- TKCT, NQTCT;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Vũ Phi Hồ

Số: 20/2025/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn chung năm 2025

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn phê duyệt hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn chung năm 2025 là **200 tỷ đồng**, trong đó:

- Hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán: **150 tỷ đồng**.
- Hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán): **50 tỷ đồng**.

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn chung và uỷ quyền cho HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai huy động, thu xếp vốn tại các tổ chức tín dụng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



Vũ Phi Hồ

Số: 21/2025/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Nhiệm kỳ 2021-2026**

--

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Ông Mai Thanh Sơn, Thành viên HĐQT;
- Căn cứ Nghị quyết số: 13/2025/NQ-HĐQT ngày 09/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn về việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT của Ông Mai Thanh Sơn.

1. Xét đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Mai Thanh Sơn, ngày 09/5/2025 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành Nghị quyết số: 13/2025/NQ-HĐQT ngày 09/5/2025 về việc chấp thuận đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Mai Thanh Sơn. Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua việc miễn nhiệm chức Thành viên HĐQT đối với Ông Mai Thanh Sơn.

2. Theo quy định tại Điều 160, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, đồng thời nhằm đảm bảo công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Công ty và đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT tiếp tục nhiệm kỳ 2021-2026, cụ thể như sau:

- Số lượng Thành viên HĐQT bầu bổ sung tiếp tục nhiệm kỳ 2021-2026: **01** thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 22 /2025/TB-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn số: 14/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 09/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn về việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm của Ông Mai Thanh Sơn, Thành viên HĐQT kể từ ngày 10/5/2025;

Căn cứ Tờ trình số: 21/2025/TTr-HĐQT ngày 09/5/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026;

Để đảm bảo công tác chuẩn bị bầu bổ sung thành viên HĐQT thực hiện đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên:

2.1. Ứng viên bầu thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (khoản 1, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020):

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020¹;

¹ Khoản 2, Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e) Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty (*Khoản 5, Điều 25, Điều lệ BKC*).

2.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện (*khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020*):

Ngoài điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại mục 3.2 nêu trên, ứng viên phải có thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thủ tục đề cử, ứng cử nhân sự bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026

3.1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT (*Khoản 2, 3, Điều 24, Điều lệ BKC*)

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị (*Theo danh sách người sở hữu chứng khoán do*

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 20/5/2025 – Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025).

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử:

- Từ 05% đến dưới 10%, được đề cử: Một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30%, được đề cử: Tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40%, được đề cử: Tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50%, được đề cử: Tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60%, được đề cử: Tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70%, được đề cử: Tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80%, được đề cử: Tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử: Tối đa tám (08) ứng viên.

c) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3.2. Hồ sơ ứng cử, đề cử

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đáp ứng được các quy định theo Thông báo này phải gửi hồ sơ liên quan ứng cử, đề cử thành viên HĐQT cho Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn. Hồ sơ gồm:

- Đơn ứng cử/đề cử ứng viên HĐQT (theo mẫu tại <http://backanco.com>);
- Biên bản họp nhóm (theo mẫu tại <http://backanco.com>) hoặc giấy tờ chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ có quyền đề cử, ứng cử theo quy định của pháp luật, Điều lệ BKC và mục 3.1 Thông báo này.
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu tại <http://backanco.com>).
- Bản sao văn bằng, chứng nhận trình độ CMNV của ứng viên (nếu có).
- Bản sao Hộ chiếu/CC/CCCD của người đề cử hoặc người đại diện hợp pháp.
- Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử).

3.3. Thời hạn và nơi nhận hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 phải gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện dưới hình thức bảo đảm về Văn phòng Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn chậm nhất 16h00 ngày 07/06/2025 theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 02813 812 399 – Máy lẻ 102 (Ông Nguyễn Văn Vũ)

Email: nguyenvanvu.bkc@backanco.com

Các hồ sơ đề cử, ứng cử được bộ phận Văn thư Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhận được sau thời gian trên sẽ không có giá trị.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thư ký HĐQT;
- Chánh Văn phòng;
- Lưu Văn thư (Photo HSĐH).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số **23** /2025/QC-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày **20** tháng 5 năm 2025

QUY CHẾ

**Ứng cử, đề cử ứng viên để ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026**

--

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn trân trọng gửi tới Quý cổ đông một số quy định cụ thể về việc ứng cử, đề cử ứng viên để ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 như sau:

I. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng viên ứng cử, đề cử bầu Thành viên HĐQT

2.1. Tiêu chuẩn ứng viên HĐQT

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Ứng viên bầu thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 1, Điều 13, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 2, Điều 13, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;

2.2. Điều kiện ứng cử, đề cử HĐQT

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông¹ có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử:

- | | |
|------------------------------------|---------------------------|
| - Từ 05% đến dưới 10%, được đề cử: | Một (01) ứng viên; |
| - Từ 10% đến dưới 30%, được đề cử: | Tối đa hai (02) ứng viên; |
| - Từ 30% đến dưới 40%, được đề cử: | Tối đa ba (03) ứng viên; |
| - Từ 40% đến dưới 50%, được đề cử: | Tối đa bốn (04) ứng viên; |
| - Từ 50% đến dưới 60%, được đề cử: | Tối đa năm (05) ứng viên; |
| - Từ 60% đến dưới 70%, được đề cử: | Tối đa sáu (06) ứng viên; |
| - Từ 70% đến dưới 80%, được đề cử: | Tối đa bảy (07) ứng viên; |

¹ Theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 20/5/2025 – Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025.

- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử: Tới đa tám (08) ứng viên.

c) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Thủ tục đề cử, ứng cử

- Đơn ứng cử/đề cử ứng viên HĐQT (theo mẫu của Công ty);

- Biên bản họp nhóm (theo mẫu của Công ty)

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu của Công ty) kèm bản sao CMND/CCCD/CC/Hộ chiếu; các văn bằng, chứng nhận liên quan đến trình độ chuyên môn nghiệp của ứng viên; bản sao hộ chiếu/CCCD/ CC/ CMND của người đề cử hoặc người đại diện hợp pháp.

- Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử).

*** Lưu ý:** Cổ đông/Nhóm cổ đông không nộp bản gốc Tài liệu ứng cử, đề cử theo quy định được nêu ở trên cho Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn trước khi thông qua danh sách ứng cử, đề cử tại Đại hội, việc ứng cử, đề cử của Cổ đông/Nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thì việc ứng cử, đề cử của Cổ đông/Nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội.

4. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai, Ban Tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện ứng viên bầu HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và tiến hành bỏ phiếu bầu.

II. BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Quyền biểu quyết, bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (Theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 20/5/2025 – Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025) có thể thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử tại Đại hội khi hoàn tất khâu đăng ký và kiểm tra tư cách hợp lệ tại Đại hội.

2. Nguyên tắc, cách thức bầu cử:

a. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông/Người được uỷ quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần nhân (x) với số thành viên HĐQT được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên.

b. Cổ đông/Người được uỷ quyền có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên bằng cách ghi số phiếu (bầu) biểu quyết cho từng ứng viên vào ô tương ứng (tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết của

Cổ đông/Người được uỷ quyền) hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn nhưng tối đa không quá số lượng thành viên HĐQT được bầu.

c. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào hòm phiếu theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu.

3. Phiếu bầu cử, ghi phiếu bầu cử:

- Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền được phát 01 tờ phiếu bầu thành viên HĐQT theo mã số cổ đông.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu khác.

- Cách ghi phiếu bầu:

+ Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, tối đa bằng số ứng viên cần bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được uỷ quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

+ Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

+ Cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc một số ứng viên, đại biểu ghi dồn toàn bộ số phiếu bầu vào ô của các ứng viên tương ứng; Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của từng ứng viên tương ứng.

- Phiếu bầu không hợp lệ:

+ Phiếu không phải do Ban tổ chức phát hành;

+ Phiếu bầu quá số người theo quy định, ghi thêm tên người khác vào phiếu ngoài danh sách đề cử, ứng cử;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc được uỷ quyền; hoặc số lượng ứng viên lựa chọn nhiều hơn số thành viên được bầu đã được Đại hội phê duyệt.

+ Phiếu bầu tẩy xóa, rách, sửa chữa, viết thêm nội dung khác;

+ Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu khi việc bỏ phiếu đã kết thúc và Ban kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu;

+ Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền.

- Phiếu trắng: Là phiếu không bầu cho ứng viên nào và những phiếu được phát tại Đại hội nhưng không bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Ban kiểm phiếu và trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm sau:

- Kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông tham dự Đại hội;

- Hướng dẫn chi tiết cách ghi phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của phiếu bầu, kiểm tra kết quả bầu cử một cách khách quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử;

- Tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Thư ký Đại hội.

- Cùng Chủ tọa Đại hội giải quyết các khiếu nại (nếu có) liên quan đến bầu cử để báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:

+ Tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội; số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ,...;

+ Số phiếu bầu cho từng ứng viên;

+ Tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng viên trên tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội;

- Trưởng ban kiểm phiếu Chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện bỏ phiếu tại Đại hội; thay mặt Chủ tịch báo cáo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

5. Nguyên tắc trúng cử

- Những ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn.

- Nếu sau khi bầu lại mà vẫn không chọn đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS thì Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ xung trong kỳ Đại hội đồng cổ đông lần sau.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 18/6/2025) của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kết thúc.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 24 /2025/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
và Thư ký Công ty năm 2025**

--

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát, Thư ký trong năm 2025, HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024

Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua tại Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/5/2024 là **1.236.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Trong đó:

- Thù lao HĐQT: 1.080.000.000 đồng
- Thù lao Ban kiểm soát : 120.000.000 đồng
- Thù lao Thư ký Công ty: 36.000.000 đồng

2. Đề xuất thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua mức thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025 là **1.236.000.000 đồng** (tương đương mức thù lao năm 2024), cụ thể:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT: 1.080.000.000 đồng
- Thù lao của Trưởng ban và Thành viên Ban kiểm soát : 120.000.000 đồng
- Thù lao của Thư ký Công ty: 36.000.000 đồng

3. Mức thù lao cụ thể của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Quyết định của HĐQT và Ban kiểm soát.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty về việc thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hổ

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

Số: 25/2025/TTr-BKS

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

--

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm 2025 của Công ty như sau:

I. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

BKS đề xuất với ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

1. Là Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
2. Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;
3. Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện cuộc kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty;
4. Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

II. ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán đáp ứng các tiêu chí nêu tại Mục I để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ năm 2025;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- CVP, Thư ký Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
BẮC KẠN
TP. BẮC KẠN, T. BẮC KẠN
Nguyễn Thế Phòng

Số: 26 /2025/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 20 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty

--

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản có liên quan;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Để phù hợp với các quy định pháp luật, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (“Hội đồng quản trị”) kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt việc sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

1. Sửa đổi khoản 1, Điều 21, Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 như sau:

- Quy định trước sửa đổi: “1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty”.

- Quy định sau sửa đổi: “1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp”.

Các nội dung khác của Điều lệ Công ty hiện nay được giữ nguyên.

2. ĐHĐCĐ giao Người đại diện theo pháp luật Công ty ký và ban hành Điều lệ Công ty có nội dung đã được sửa đổi theo đúng quy định pháp luật và thay thế Điều lệ Công ty đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HsHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

--

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số: /2025/BB-ĐHĐCĐ
ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng năm 2025.
2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.
3. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.
4. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
5. Tờ trình về việc phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
6. Tờ trình về phê duyệt hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn chung năm 2025;
7. Tờ trình việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 đối với Ông Mai Thanh Sơn; Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026;
8. Tờ trình về việc thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025.
9. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2025.
10. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- Thư ký Công ty (CBTT);
- Lưu VT, HsĐHĐCĐ.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Vũ Phi Hồ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK CORPORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Cổ phiếu Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Số: 156/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn được lập ngày 18/3/2025 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Tiên**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		284.957.202.331	266.334.866.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	143.694.292.293	27.424.122.422
1. Tiền	111		143.694.292.293	27.424.122.422
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.494.748.451	80.038.622.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.634.113.469	74.215.295.676
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	22.137.714.378	9.169.115.716
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.478.837.050	2.410.127.909
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.755.916.446)	(5.755.916.446)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	87.115.328.316	146.117.484.978
1. Hàng tồn kho	141		88.566.669.300	147.568.825.962
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.652.833.271	12.754.636.390
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	5.274.966.011	4.012.022.519
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.356.779.048	8.721.525.659
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	21.088.212	21.088.212
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		143.089.703.764	102.122.970.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.136.456.485	1.895.504.406
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.136.456.485	1.895.504.406
II. Tài sản cố định	220		43.631.497.699	55.802.932.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	43.631.497.699	55.802.932.869
- Nguyên giá	222		202.305.110.894	228.250.490.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.673.613.195)	(172.447.557.906)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.111.264.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.111.264.959)	(1.111.264.959)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.902.048.907	6.595.777.186
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	11.902.048.907	6.595.777.186
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.570.216.075	22.257.416.075
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	1.475.086.581	1.475.086.581
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12	26.690.216.075	20.257.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.12	(1.595.086.581)	(1.475.086.581)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56.849.484.598	15.571.340.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	56.849.484.598	15.571.340.177
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		428.046.906.095	368.457.837.358

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		193.118.509.918	185.398.443.033
I. Nợ ngắn hạn	310		160.692.053.433	155.008.443.033
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	93.590.898.695	31.290.918.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	13.439.168.154	3.576.509.404
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	13.390.707.309	4.257.742.129
4. Phải trả người lao động	314		4.003.568.926	4.510.235.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	13.450.388.915	3.213.831.335
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.928.780.684	5.959.115.231
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	16.812.000.000	102.123.550.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		32.426.456.485	30.390.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	30.390.000.000	30.390.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.036.456.485	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		234.928.396.177	183.059.394.325
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	234.928.396.177	183.059.394.325
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.924.149.369	33.055.147.517
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.055.147.517	27.926.058.578
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51.869.001.852	5.129.088.939
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		428.046.906.095	368.457.837.358
(440 = 300+400)				

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yến



Đinh Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	567.481.233.266	439.951.065.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		567.481.233.266	439.951.065.783
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	477.554.855.593	409.576.160.480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		89.926.377.673	30.374.905.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.635.151.003	2.162.021.917
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.372.489.741	11.454.706.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.562.700.166	11.418.015.654
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.056.796.798	2.789.541.716
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.357.674.035	13.995.577.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		62.774.568.102	4.297.100.745
11. Thu nhập khác	31	6.6	4.988.053.296	5.332.056.003
12. Chi phí khác	32	6.6	2.695.572.377	3.575.309.896
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	2.292.480.919	1.756.746.107
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		65.067.049.021	6.053.846.852
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	13.198.047.169	924.757.913
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		51.869.001.852	5.129.088.939
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	4.419	437

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.067.049.021	6.053.846.852
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		12.836.184.414	15.686.453.225
- Các khoản dự phòng	03		2.156.456.485	(3.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(604.532.641)	(874.765.523)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(256.187.638)	(891.941.204)
- Chi phí lãi vay	06		8.562.700.166	11.418.015.654
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		87.761.669.807	31.388.609.004
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.667.668.936	17.916.746.844
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		59.002.156.662	23.169.335.489
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		93.374.879.905	(23.262.511.384)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(42.541.087.913)	(10.781.674.615)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.157.163.401)	(10.794.368.533)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.395.436.208)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		226.712.687.788	27.636.136.805
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.601.540.685)	(3.595.899.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		77.272.727	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.432.800.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	822.135.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		221.567.400	19.806.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.735.500.558)	(4.703.958.370)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		218.072.554.022	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(303.384.104.022)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(85.311.550.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		115.665.637.230	22.932.178.435
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.424.122.422	3.617.178.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		604.532.641	874.765.523
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	143.694.292.293	27.424.122.422

Người lập

Kế toán trưởng

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc







Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến

Đình Văn Hiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Cổ phiếu Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2024 là 395 người (số lao động tại ngày 31/12/2023 là 405 người).

1.2 Ngành nghề hoạt động kinh doanh

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động Công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

Hiện tại, Công ty quản lý và khai thác các mỏ sau:

- Mỏ chì - kẽm Nà Bốp - Pù Sáp: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2528/GP-BTNMT ngày 12/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thời hạn khai thác 16 năm kể từ ngày cấp;
- Mỏ chì - kẽm Nà Duông: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1216/GP-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn, thời hạn khai thác 10 năm kể từ ngày cấp.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội (tạm ngừng hoạt động từ ngày 23/5/2018);
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp;

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%	26,5%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên doanh liên kết mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Khoản trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có kỳ hạn 10 năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Số năm

20

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 - 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là quặng thành phẩm và rượu thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	108.675.736	41.544.228
Tiền gửi ngân hàng	143.585.616.557	27.382.578.194
Tổng	143.694.292.293	27.424.122.422

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

Khoản trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Số lượng: 20.000 trái phiếu. Mệnh giá: 100.000 VND. Kỳ hạn: 10 năm. Ngày đáo hạn: 01/11/2033. Lãi suất: Lãi suất tham chiếu +1,3%/năm.

Tại ngày 31/12/2024 toàn bộ các trái phiếu này đã được cầm cố cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	21.634.113.469	74.215.295.676
Công ty TNHH thương mại TTHD 869	-	5.867.456.870
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	-	15.816.269.175
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	11.946.876.150	37.446.876.150
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Phúc Hưng	2.119.340.600	2.119.340.600
Các đối tượng khác	4.677.496.099	10.074.952.261
Tổng	21.634.113.469	74.215.295.676

Trong đó: Phải thu các bên liên quan
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

14.837.276.770 56.153.545.945

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH MTV Khoa học Kỹ thuật Bảo vệ Môi trường Trung Việt	2.349.850.000	-
Traxys Europe S.A	3.371.843.363	-
Trung tâm tư vấn và công nghệ môi trường	-	1.503.000.000
Công ty TNHH Máy và thiết bị mỏ Toàn Cầu Vship	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hồng Phát Thái Nguyên	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	736.135.051	1.212.193.379
ALPHA MINERALS CO.,LIMITED	8.140.758.478	-
Các đối tượng khác	7.539.127.486	4.453.922.337
Tổng	22.137.714.378	9.169.115.716

5.5 Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.478.837.050	-	2.410.127.909	-
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	-	-	462.590.470	-
Phải thu khác	692.945.328	-	1.207.295.786	-
Tạm ứng	785.891.722	-	740.241.653	-
Dài hạn	2.136.456.485	-	1.895.504.406	-
Ký cược, ký quỹ	2.136.456.485	-	1.895.504.406	-
Tổng	3.615.293.535	-	4.305.632.315	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	5.755.916.446	-	5.755.916.446	-
Trong đó:				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm				2.890.400.620
Các đối tượng khác				2.865.515.826
Tổng				5.755.916.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.267.631.803	(1.451.340.984)	24.380.788.415	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	2.441.697.577	-	3.151.074.472	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.308.148.090	-	9.332.789.160	-
Thành phẩm	48.533.493.319	-	109.308.886.689	-
Hàng hóa	15.698.511	-	1.395.287.226	-
Tổng	88.566.669.300	(1.451.340.984)	147.568.825.962	(1.451.340.984)

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5.274.966.011	4.012.022.519
Chi phí nhà máy luyện chì	2.581.268.173	1.036.777.746
Chi phí công cụ, dụng cụ	533.998.647	1.174.794.799
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	893.612.429	707.129.796
Chi phí khác chờ phân bổ	1.266.086.762	1.093.320.178
Dài hạn	56.849.484.598	15.571.340.177
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	-	71.891.189
Chi phí công cụ, dụng cụ	336.031.102	1.342.472.033
Chi phí khu chế biến chì kẽm	2.676.907.677	2.826.520.802
Chi phí dự án giải phóng mặt bằng cụm CN Thanh Thịnh giai đoạn 1	49.111.202.785	10.612.274.335
Chi phí xây dựng hồ thải	3.215.690.960	-
Chi phí khác chờ phân bổ	1.509.652.074	718.181.818
Tổng	62.124.450.609	19.583.362.696

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn,
tỉnh Bắc Kạn

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2024	126.559.692.240	89.163.419.573	8.908.181.038	344.630.205	3.274.567.719	228.250.490.775
Tăng trong năm	221.450.001	3.270.438.506	6.985.598.303	-	46.500.000	10.523.986.810
Mua trong năm	-	3.117.019.188	6.985.598.303	-	46.500.000	10.149.117.491
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	221.450.001	153.419.318	-	-	-	374.869.319
Giảm trong năm	36.139.366.691	-	330.000.000	-	-	36.469.366.691
Giảm tài sản trong hầm lò không còn sử dụng	36.139.366.691	-	-	-	-	36.139.366.691
Thanh lý, nhượng bán	-	-	330.000.000	-	-	330.000.000
Số dư tại 31/12/2024	90.641.775.550	92.433.858.079	15.563.779.341	344.630.205	3.321.067.719	202.305.110.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2024	84.865.327.497	76.906.294.872	7.582.399.488	344.630.205	2.748.905.844	172.447.557.906
Tăng trong năm	7.581.473.409	4.535.895.727	521.646.416	-	197.168.862	12.836.184.414
Khấu hao trong năm	7.581.473.409	4.535.895.727	521.646.416	-	197.168.862	12.836.184.414
Giảm trong năm	26.322.781.614	-	287.347.511	-	-	26.610.129.125
Giảm tài sản trong hầm lò không còn sử dụng	26.322.781.614	-	-	-	-	26.322.781.614
Thanh lý, nhượng bán	-	-	287.347.511	-	-	287.347.511
Số dư tại 31/12/2024	66.124.019.292	81.442.190.599	7.816.698.393	344.630.205	2.946.074.706	158.673.613.195
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2024	41.694.364.743	12.257.124.701	1.325.781.550	-	525.661.875	55.802.932.869
Tại 31/12/2024	24.517.756.258	10.991.667.480	7.747.080.948	-	374.993.013	43.631.497.699

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 35.179.633.591 VND (tại ngày 01/01/2024 là 29.055.182.697 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 117.288.538.302 VND (tại ngày 01/01/2024 là 99.296.623.191 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	<u>1.111.264.959</u>	<u>1.111.264.959</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	<u>1.111.264.959</u>	<u>1.111.264.959</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	-	-
Tại 31/12/2024	-	-

Tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí hình thành lên giá trị quyền sử dụng đất nhà máy bột kẽm và nhà máy chì tại xã Bằng Lăng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.111.264.959 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.111.264.959 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.902.048.907	11.902.048.907	6.595.777.186	6.595.777.186
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	-	-	3.771.282.154	3.771.282.154
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Dự án Cụm công nghiệp Thanh Thịnh	6.575.391.334	6.575.391.334	-	-
Các dự án khác	3.737.156.609	3.737.156.609	1.234.994.068	1.234.994.068
Tổng	<u>11.902.048.907</u>	<u>11.902.048.907</u>	<u>6.595.777.186</u>	<u>6.595.777.186</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn,
tỉnh Bắc Kạn

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

			31/12/2024			01/01/2024		
			Đơn vị tính: VND					
	Tỷ lệ		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết						
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			1.475.086.581		(1.475.086.581)	1.475.086.581		(1.475.086.581)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	26,50%	26,50%	1.475.086.581		(1.475.086.581)	1.475.086.581		(1.475.086.581)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			26.690.216.075		(120.000.000)	20.257.416.075		-
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000		(120.000.000)	120.000.000		-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (*)	5,41%	5,41%	21.570.216.075		-	15.137.416.075		-
Công ty Cổ phần Sầu Riêng Tây Nguyên	5,18%	5,18%	5.000.000.000		-	5.000.000.000		-
Tổng			28.165.302.656	(**)	(1.595.086.581)	21.732.502.656	(**)	(1.475.086.581)

(*): Công ty tăng vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 14/6/2024 của Hội đồng Quản trị công ty, số lượng cổ phần nắm giữ trước khi mua là 378.400 cổ phần (chiếm 5,41% vốn điều lệ), số lượng cổ phần mua thêm là 643.280 cổ phần với số tiền là 6.432.800.000 VND, tổng số cổ phần sau khi mua thêm là 1.021.680 cổ phần (chiếm 5,41% vốn điều lệ).

(**): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho cổ phần của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	93.590.898.695	93.590.898.695	31.290.918.446	31.290.918.446
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	7.190.262.705	7.190.262.705	10.222.064.797	10.222.064.797
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	121.256.788	121.256.788	532.768.691	532.768.691
Công ty TNHH Thương Mại TTHD 869	-	-	3.504.829.824	3.504.829.824
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Kạn	72.521.756.053	72.521.756.053	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại HoaBi	-	-	3.383.977.181	3.383.977.181
Phải trả người bán ngắn hạn khác	13.757.623.149	13.757.623.149	13.647.277.953	13.647.277.953
Tổng	93.590.898.695	93.590.898.695	31.290.918.446	31.290.918.446
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>7.190.262.705</i>	<i>7.190.262.705</i>	<i>10.222.064.797</i>	<i>10.222.064.797</i>

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Nguyên liệu kim loại Phúc Nguyên Quảng Tây	924.588.542	924.588.542
Công ty TNHH TM xuất nhập khẩu Hằng Đạt	-	1.499.999.999
Hunan Zhixing Import and Export Trading Co., Ltd	10.589.837.071	-
Công ty TNHH XNK thương mại Việt Hải	500.000.000	500.000.000
Người mua trả tiền trước khác	1.424.742.541	651.920.863
Tổng	13.439.168.154	3.576.509.404

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	4.257.742.129	70.942.719.970	61.809.754.790	13.390.707.309
Thuế giá trị gia tăng	-	3.247.493.813	3.247.493.813	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	26.641.012	11.080.380	15.948.588	21.772.804
Thuế xuất nhập khẩu	-	39.112.245.065	39.112.245.065	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.197.891.864	13.198.047.169	2.395.436.208	12.000.502.825
Thuế thu nhập cá nhân	193.967.311	486.706.132	489.983.026	190.690.417
Thuế tài nguyên	1.316.254.055	7.355.048.810	8.409.308.194	261.994.671
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	596.743.561	596.743.561	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	352.735.854	906.384.600	906.384.600	352.735.854
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.170.252.033	6.028.970.440	6.636.211.735	563.010.738
Phải thu	21.088.212	-	-	21.088.212
Thuế giá trị gia tăng	21.088.212	-	-	21.088.212

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	13.450.388.915	3.213.831.335
Trích lập dự phòng quỹ lương	8.626.822.996	-
Chi phí lãi vay	3.618.358.901	3.213.831.335
Các khoản khác	1.205.207.018	-
Tổng	13.450.388.915	3.213.831.335

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	5.928.780.684	5.959.115.231
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (1)	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (2)	100.000.000	100.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (3)	3.911.834.400	3.911.834.400
Phải trả, phải nộp khác	1.562.891.124	1.593.225.671
Tổng	5.928.780.684	5.959.115.231

- (1) Cổ tức phải trả của các cổ đông chưa đăng ký lưu ký chứng khoán.
- (2) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.
- (3) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn,
tỉnh Bắc Kạn

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	16.812.000.000	16.812.000.000			102.123.550.000	102.123.550.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	-	-	69.138.514.505	95.472.988.758	26.334.474.253	26.334.474.253
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	-	-	91.234.039.517	129.274.115.264	38.040.075.747	38.040.075.747
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	-	-	12.000.000.000	24.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Trần Minh Thành	-	-	16.000.000.000	24.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Đình Văn Hiến (3)	14.700.000.000	14.700.000.000	19.700.000.000	5.943.000.000	943.000.000	943.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (3)	2.112.000.000	2.112.000.000	10.000.000.000	24.694.000.000	16.806.000.000	16.806.000.000
Vay dài hạn	30.390.000.000	30.390.000.000	-	-	30.390.000.000	30.390.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (4)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Vũ Phi Hổ (4)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (4)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Tổng	47.202.000.000	47.202.000.000	218.072.554.022	303.384.104.022	132.513.550.000	132.513.550.000
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>37.172.000.000</i>	<i>37.172.000.000</i>			<i>39.863.000.000</i>	<i>39.863.000.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 08/2024-HĐCVHM/NHCT172-KHOANG SAN ngày 08/03/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn (Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Hạn mức cho vay 55.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) kèm theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 05/2023-HĐCVTL-SĐBS1/NHCT172-KHOANG SAN ngày 28/02/2023. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời gian duy trì hạn mức: đến hết ngày 11/03/2025. Thời hạn và lãi suất các khoản vay quy định cụ thể theo từng giấy nhân nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Biện pháp đảm bảo là các tài sản quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp số 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015; Hợp đồng thế chấp số 01.07/2015/HĐTC ngày 28/07/2015; Hợp đồng thế chấp số 03.06.14/HĐTC-DN ngày 11/07/2014; Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018; Hợp đồng thế chấp số 42/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; Hợp đồng thế chấp số 33/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; Hợp đồng thế chấp tiền gửi có kỳ hạn số 08/2022/HĐBĐ/NHCT172; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/04/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/04/2020; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 43/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 44/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 45/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/2023/HĐBĐ/NHCT172 ngày 30/03/2023; Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản số 95/2023/HĐBĐ/NHCT172 ngày 29/11/2023.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/788949/HĐTD ngày 25/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cấp hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng Việt Nam) đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn của khách hàng tại ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/788949/HĐTD. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ ký quỹ (gọi chung là hợp đồng đảm bảo) được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này.
- (3): Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 10,5%/năm.
- (4): Hợp đồng cho vay tiền giữa các cá nhân và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay. Lãi suất cho vay là 0%- 5,6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	27.926.058.578	177.930.305.386
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.129.088.939	5.129.088.939
Số dư tại 31/12/2023	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	33.055.147.517	183.059.394.325
Số dư tại 01/01/2024	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	33.055.147.517	183.059.394.325
Lãi trong năm nay	-	-	-	51.869.001.852	51.869.001.852
Số dư tại 31/12/2024	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	84.924.149.369	234.928.396.177

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Công ty số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/5/2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	25.884,12	82.859,36
Tổng	25.884,12	82.859,36

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	567.481.233.266	439.951.065.783
Tổng	567.481.233.266	439.951.065.783
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>6.412.908.000</i>	<i>190.815.612.000</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	477.554.855.593	409.576.160.480
Tổng	477.554.855.593	409.576.160.480

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	221.567.400	19.806.204
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.809.050.962	445.315.190
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	604.532.641	874.765.523
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	822.135.000
Tổng	2.635.151.003	2.162.021.917

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.562.700.166	11.418.015.654
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	120.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.689.789.575	36.691.272
Tổng	10.372.489.741	11.454.706.926

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	3.056.796.798	2.789.541.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.056.796.798	2.789.541.716
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.357.674.035	13.995.577.833
Chi phí nhân viên quản lý	9.604.685.613	9.343.693.613
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.604.396	175.993.042
Chi phí khấu hao TSCĐ	239.062.343	266.023.564
Thuế phí và lệ phí	542.101.830	362.590.478
Chi phí dự phòng	-	(3.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.312.932.177	1.748.856.371
Chi phí bằng tiền khác	4.523.287.676	2.101.420.765
Tổng	19.414.470.833	16.785.119.549

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.629.629.628	4.587.542.088
Thanh lý phế liệu	106.127.271	-
Thanh lý tài sản cố định	34.620.238	50.000.000
Phạt vi phạm hợp đồng	53.317.952	599.999.992
Thu nhập khác	164.358.207	94.513.923
Tổng	4.988.053.296	5.332.056.003
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	198.540.066	136.251.902
Lãi chậm nộp, tiền phạt	899.376.433	138.748.953
Chi phí khác	1.597.655.878	3.300.309.041
Tổng	2.695.572.377	3.575.309.896
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.292.480.919	1.756.746.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	65.067.049.021	6.053.846.852
Các khoản điều chỉnh tăng	1.962.793.204	2.438.034.578
Chi phí không được trừ	1.962.793.204	2.438.034.578
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.027.328.100)	(3.868.091.863)
Chuyển lỗ	-	(3.868.091.863)
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ - CP của các năm trước	(7.027.328.100)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	60.002.514.125	4.623.789.567
Thu nhập tính thuế TNDN	60.002.514.125	4.623.789.567
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN năm hiện hành	12.000.502.825	924.757.913
Thuế TNDN bổ sung năm trước	1.197.544.344	-
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	13.198.047.169	924.757.913

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	51.869.001.852	5.129.088.939
Các khoản điều chỉnh	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	51.869.001.852	5.129.088.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	4.419	437

(*): Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ hoạt động có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.271.213.516	284.105.623.378
Chi phí nhân công	64.356.642.271	55.814.517.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.836.184.414	15.550.201.323
Chi phí dự phòng	2.036.456.485	(3.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.873.324.334	40.344.015.582
Chi phí khác bằng tiền	20.617.422.385	19.515.131.805
Tổng	352.991.243.405	415.326.489.637

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH TM Quốc tế Vũ Hoàng	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	5.327.174.197	4.962.584.146
Tổng		5.327.174.197	4.962.584.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	1.460.267.522	1.287.208.980
Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên	-	120.000.000
Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên	-	120.000.000
Tổng		1.700.267.522	1.767.208.980
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Tổng		120.000.000	120.000.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	836.063.384	666.236.580
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	585.592.682	445.296.533
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	453.592.682	429.211.707
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	453.592.682	438.067.278
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc	453.592.682	438.067.278
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng	420.592.682	392.034.177
Ông Nguyễn Văn Vũ	Người công bố thông tin	303.879.881	266.461.613
Tổng		3.506.906.675	3.075.375.166

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Biên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>1. Phải thu khách hàng</u>		14.837.276.770	56.153.545.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Bán hàng	11.946.876.150	37.446.876.150
Công ty TNHH TM Quốc tế Vũ Hoàng	Bán hàng	-	15.816.269.175
<u>2. Phải trả người bán</u>		7.190.262.705	10.222.064.797
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Mua hàng	7.190.262.705	10.222.064.797
<u>3. Vay và nợ thuê tài chính</u>		37.172.000.000	39.863.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	-	12.000.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên	Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yến	Vay	-	433.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Vay	-	283.000.000
Ông Đinh Văn Hiến	Vay	14.700.000.000	943.000.000
Ông Đỗ Đình Thắng	Vay	-	433.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Vay	-	383.000.000
Ông Trần Văn Quyền	Vay	-	2.733.000.000
Ông Vũ Gia Hạnh	Vay	-	433.000.000
Bà Phạm Thị Hương Sen	Vay	2.000.000.000	1.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠNTổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn,
tỉnh Bắc Kạn

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
1. Mua hàng		114.763.020.813	26.163.763.282
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Thuê chế biến và mua hàng	21.397.105.095	26.103.585.100
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Mua hàng	65.935.663.118	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Huy	Mua hàng, tài sản cố định	1.061.340.000	60.178.182
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	Mua hàng	26.368.912.600	-
2. Bán hàng		6.412.908.000	190.815.612.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Chì thời	6.412.908.000	190.815.612.000
3. Giao dịch khác		72.352.695.012	52.674.075.615
- Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Nhận vay	12.000.000.000	24.000.000.000
	Trả vay	24.000.000.000	24.000.000.000
	Lãi vay	518.547.945	1.131.232.876
- Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Lãi vay	954.608.218	951.999.999
- Bà Trần Thị Yến	Trả vay	433.000.000	12.000.000
- Ông Bùi Đức Hùng	Trả vay	283.000.000	12.000.000
- Ông Đinh Văn Hiến	Nhận vay	19.700.000.000	60.000.000
	Trả vay	5.943.000.000	72.000.000
	Lãi vay	613.139.945	25.760.001
- Ông Đỗ Đình Thắng	Trả vay	433.000.000	12.000.000
- Ông Nguyễn Trần Nhất	Trả vay	383.000.000	12.000.000
- Ông Trần Văn Quyền	Trả vay	2.733.000.000	12.000.000
	Lãi vay	64.223.562	107.274.521
- Ông Vũ Gia Hạnh	Trả vay	433.000.000	12.000.000
- Bà Phạm Thị Hương Sen	Nhận vay	2.000.000.000	1.300.000.000
	Trả vay	1.750.000.000	850.000.000
	Lãi vay	111.175.342	103.808.218
4. Thu nhập khác		4.629.629.628	4.587.542.088
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	4.629.629.628	4.587.542.088

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yến



Đinh Văn Hiến

